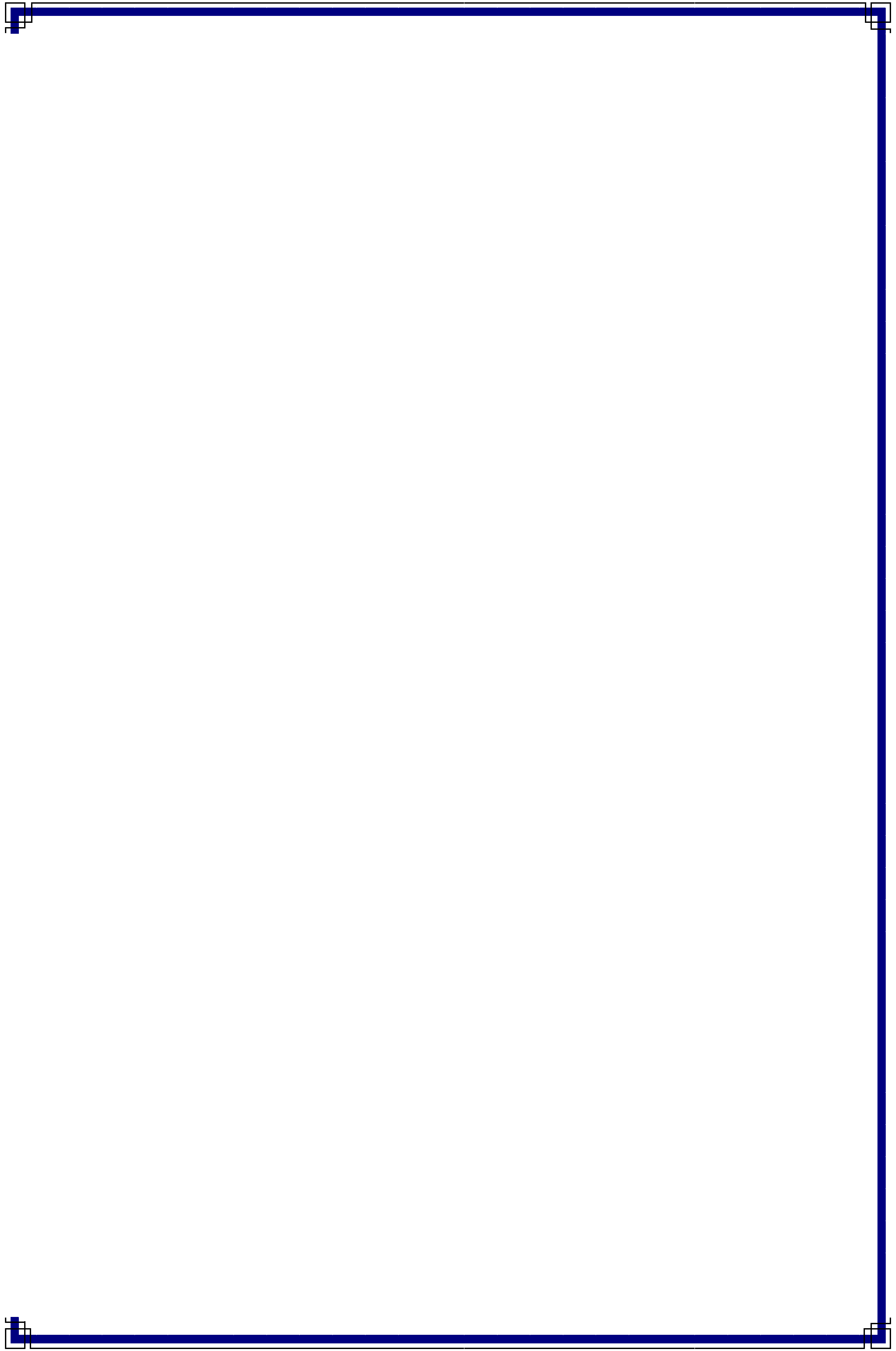
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DƯƠNG VĂN THÌ



**TỔ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN GDQP&AN**

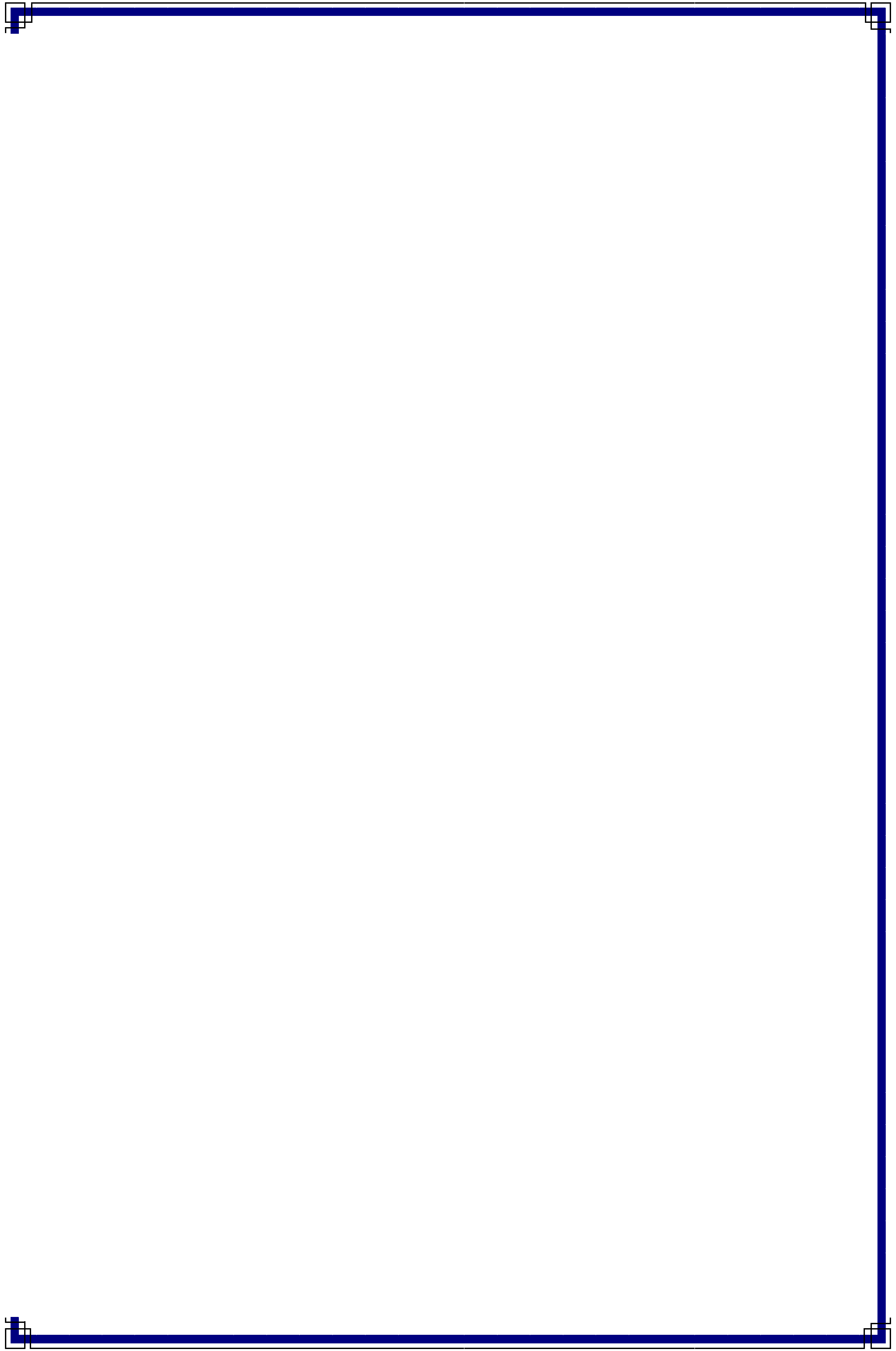
*(tài liệu dành cho học sinh dùng để ôn tập/ học tập môn GDQP&AN)*

***Tổng hợp và biên soạn:***

*Giáo viên GDQP Trường THPT Dương Văn Thì*

***TP. THỦ ĐỨC, THÁNG 08/2021***

MỤC LỤC



***Bài 1: Truyền Thống Đánh Giặc Giữ Nước Của Dân Tộc Việt Nam................... 3***

A. Lý Thuyết (Các Kiến Thức Hs Cần Nắm) ....................................................... 3

B. Củng Cố Theo Sgk: .......................................................................................... 6

C. Câu Hỏi Trắc Nghiệm (Toàn Bộ Đáp Án Đều Là “A”)................................. 10

***Bài 2: Lớp 10 Lịch Sử, Truyền Thống Quân Đội Nhân Dân Việt Nam ............. 19***

A. Lý Thuyết ....................................................................................................... 19

B. Củng Cố Theo Sgk ......................................................................................... 21

C. Câu Hỏi Trắc Nghệm (Toàn Bộ Đáp Án Là Câu A)...................................... 26

***Bài 3: Đội Ngũ Từng Người Không Có Súng ...................................................... 36***

A. Lý Thuyết: (Các Kiến Thức Cơ Bản Cần Nắm) ............................................ 36

B. Củng Cố Theo Sgk: ........................................................................................ 37

C. Câu Hỏi Trắc Nghiệm (Toàn Bộ Đáp Án Đều Là Câu A)............................. 44

***Bài 4: Đội Ngũ Đơn Vị........................................................................................... 51***

A. Lý Thuyết: (Các Kiến Thức Cơ Bản Cần Nắm) ............................................ 51

B. Củng Cố Theo Sgk: ........................................................................................ 52

C. Câu Hỏi Trắc Nghiệm (Toàn Bộ Đáp Án Đều Là “A”)................................. 55

***Bài 5: Phòng Tránh Bom Đạn Và Thiên Tai ....................................................... 64***

A. Phần Lý Thuyết (Các Kiến Thức Hs Cần Nắm) ............................................ 64

Củng Cố Theo Sgk: ............................................................................................. 66

C. Câu Hỏi Trắc Nghiệm (Toàn Bộ Đáp Án Đều Là Câu A)............................. 69

***Bài 6: Phòng Chống Các Tai Nạ Thông Thường Và Băng Bó Vết Thương...... 78***

A. Lý Thuyết (Các Kiến Thức Hs Cần Nắm) ..................................................... 78

B. Củng Cố Theo Sgk: ........................................................................................ 79

Câu Hỏi Trắc Nghiệm (Toàn Bộ Đáp Án Đều Là Câu A).................................. 83

***Bài 7: Ma Túy Trách Nhiệm Của Học Sinh Trong Phòng Chống Ma Túy ....... 90***

A. Lý Thuyết (Các Kiến Thức Cơ Bản Học Sinh Cần Nắm) ............................ 90

B. Củng Cố Theo Sgk: ........................................................................................ 92

C. Câu Hỏi Trắc Nghiệm (Toàn Bộ Đáp Án Là Câu A)..................................... 93

**BÀI 1: TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

*A. LÝ THUYẾ T (CÁC KIẾ N THỨ C HS CẦ N NẮ M)*

**I. Lịch sử đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam**

**1. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên**

- Nước Văn Lang ra đời mở ra lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc

Việt Nam.

- Nhà nước Văn Lang là Nhà nước đầu tiên của dân tộc ta.

- Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên là cuộc kháng chiến chống

Tần (214-208 TCN), chống Triệu (184–179 TCN).

**2. Cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ I đến thế kỉ X)**

Dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, nhân dân ta đã kiên cường, bất khuất đấu tranh giành độc lập. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Hai Bà Trưng chống quân Đông Hán (năm 40), Bà Triệu (248), Lý Bý (542), Triệu Quang Phục (548), Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng (766), Khúc Thừa Dụ (905). Năm 906, nhân dân ta giành được quyền tự chủ. Tiếp đó, là hai cuộc chiến tranh chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ (931) và Ngô Quyền (938). Với chiến thắng Bạch Đằng (938), dân tộc ta giành lại được độc lập.

**3. Các cuộc chiến tranh giữ nước (Từ thế kỉ X đến thể kỉ XIX)**

Đất nước độc lập, trải qua nhiều triều đại PK. Thời Lý, Trần và Lê Sơ, nước ta là quốc gia cường thịnh ở Châu Á - thời kỳ văn minh Đại Việt. Tuy vậy, nhân dân ta đã phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh giữ nước như: hai lần chống Tống của Lê Hoàn và triều đại nhà Lý (Lý Thường Kiệt), ba lần chống quân Nguyên-Mông (Trần Thánh Tông, Trần Quốc Tuấn, Trần Khánh Dư), khởi nghĩa Lam Sơn chống Minh (Lê Lợi, Nguyễn Trãi), chiến thắng quân Thanh, quân Xiêm (Nguyễn Huệ).

**4. Cuộc đấu tranh giải phóng dẫn tộc, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến (thế kỉ XIX đến năm 1945)**

Thực dân Pháp xâm lược và đô hộ nước ta, phong trào kháng chiến sôi nổi và bền bỉ của nhân dân ta diễn ra khắp nơi như khởi nghĩa của Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám

…nhưng đều thất bại. Khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đấu tranh giành

độc lập dân tộc của nhân dân ta đã giành thắng lợi bằng cách mạng tháng Tám năm

1945.

**5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)**

Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai. Ta thực hiện mọi biện pháp để chiến tranh không xảy ra, nhưng Pháp rất ngoan cố. Ta đã đánh bại nhiều cuộc hành binh lớn của quân Pháp, và với thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

**6. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954 - 1975)**

Mỹ thay chân Pháp xâm lược Việt Nam. Ta kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ nhưng Mỹ rất hiếu chiến. Ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**II. Truyền thống vẻ vang của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước**

**1. Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước**

Nước ta trong vị trí chiến lược trọng yếu trong vùng Đông Nam Á, có nhiều tài nguyên, nên các thế lực bên ngoài luôn thực hiện âm mưu xâm lược, khuất phục. (Có 10 đường biển quốc tế lớn thì 5 đường có liên quan đến biển Việt Nam, dưới biển có dầu mỏ...)

Ngay từ đầu dựng nước đã phải giữ nước. Kể từ cuối TK thứ III trước Công nguyên đến nay, dân tộc ta đã tiến hành gần 20 cuộc chiến tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, cùng với hàng trăm cuộc cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc.

Dân tộc ta thời nào cũng vậy, để tồn tại và phát triển, đánh giặc, giữ nước là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết và luôn gắn liền với nhiệm vụ xây dựng đất nước.

**2. Truyền thống lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều**

Trong lịch sử, những cuộc đấu tranh giữ nước của dân tộc ta đều diễn ra trong

điều kiện so sánh lực lượng chênh lệch. Kẻ thù thường là những nước lớn, có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần.

Vì thế lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân

để đánh giặc, đã trở thành truyền thống trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta.

**3. Truyền thống cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh**

**giặc toàn diện**

Để chiến thắng giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần, dân tộc Việt Nam phải đoàn kết các dân tộc, đoàn kết toàn dân tạo thành nguồn sức mạnh to lớn của cả dân tộc, có thể chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Dân tộc ta đã sớm nhận thức, non sông đất nước ta là do bàn tay lao động của biết bao thế hệ xây đắp lên, là tài sản chung của mọi người, ai cũng hiểu nước mất thì nhà tan. Vì thế cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

**4. Truyền thống đánh thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ**

**thuật quân sự độc đáo**

Dân tộc ta chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm không chỉ bằng tinh thần chiến đấu dũng cảm, mà còn bằng trí thông minh sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo.

Mưu trí sáng tạo được thể hiện trong kho tàng kinh nghiệm của cuộc đấu tranh giữ nước, tài thao lược kiệt xuất của dân tộc ta.

Nghệ thuật quân sự Việt Nam là nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.

**5. Truyền thống đoàn kết quốc tế**

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta luôn có sự đoàn kết với các

nước trên bán đảo Đông Dương và các nước khác trên thế giới, vì độc lập dân tộc của mỗi quốc gia, chống lại sự thống trị của các nước lớn.

Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung đã trở thành tỷth, là một nhân tố thành công trong sự nghiệp đánh giặc, giữ nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**6. Truyền thống một lòng theo Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, và thằng lợi của cách mạng Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay, đã lãnh đạo nhân dân ta giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế cho thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta từng

bước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước đi lên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ,

văn minh.

*B. CỦ NG CỐ THEO SGK:*

**Câu 1: Trang 13 sgk GDQP-AN lớp 10\_ Hãy nêu tóm tắt quá trình đánh**

**giặc, giữ nước của dân tộc Việt Nam? TRẢ LỜI:**

Quá trình đánhh giặc, giữ nước của dân tộc ta trải qua nhiều giai đoạn khác

nhau. Trong đó có thể nói tới 6 thời kì chính sau:

**Thời kì 1:** Những cuộc chiến trranh giữ nước đầu tiên

Nước Văn Lang ra đời - mở ra lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt

Nam. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên là cuộc KC chống Tần (214 - 208

TCN) và KC chống Triệu (184 - 179 TCN).

**Thời kì 2:** Cuộc đấu tranh giành độc lập (TKI- TKX)

Dưới ách đô hộ của PK phương Bắc, nhân dân ta đã kiên cường, bất khuất đấu

tranh giành độc lập. Với chiến thắng Bạch Đằng (năm 938), nước ta đã giành lại

được độc lập.

**Thời kì 3:** Các cuộc chiến tranh giữ nước (TKX – XIX)

Trong giai đoạn này, đất nước ta phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh giữ nước như: hai lần chống Tống của Lê Hoàn và triều đại nhà Lý (Lý Thường Kiệt), ba lần chống quân Nguyên-Mông (Trần Thánh Tông, Trần Quốc Tuấn, Trần Khánh Dư), khởi nghĩa Lam Sơn chống Minh (Lê Lợi, Nguyễn Trãi), chiến thắng quân Thanh, quân Xiêm (Nguyễn Huệ).

**Thời kì 4:** Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc , lật đổ chế độ thuộc địa nữa phong kiến (TK XIX- 1945)

Thời kì XIX - 1945, phong trào kháng chiến ở nước ta diễn ra sôi nổi và bền bỉ ở khắp nơi như khởi nghĩa của Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám …nhưng đều thất bại. Cho đến khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta đã giành thắng lợi bằng cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Thời kì 5:** Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai. Ta thực hiện mọi biện pháp để chiến tranh không xảy ra, nhưng Pháp rất ngoan cố. Ta đã đánh bại nhiều cuộc hành binh lớn của quân Pháp, và với thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

**Thời kì 6:** Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954 - 1975)

Mỹ thay chân Pháp xâm lược Việt Nam. Ta kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ nhưng Mỹ rất hiếu chiến. Ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**Câu 2: Trang 13 sgk GDQP-AN lớp 10 \_ Nêu truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc Việt Nam**

**TRẢ L Ờ I:**

Trải qua nghìn năm lịch sử, dân tộc ta có rất nhiều truyền thống vẻ vang trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước. Ta có thể kể đến:

**- Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước:** Có thể nói dân tộc ta thời nào cũng vậy, để tồn tại và phát triển đánh giặc, giữ nước là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết và luôn gắn liền với nhiệm vụ xây dựng đất nước.

**- Truyền thống lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều:** Truyền thống này tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân để đánh giặc, đã trở thành truyền thống trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta.

**- Truyền thống cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện:** Có thể nói, để chiến thắng giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần, dân tộc Việt Nam phải đoàn kết các dân tộc, đoàn kết toàn dân tạo thành nguồn sức mạnh to lớn của cả dân tộc, có thể chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**- Truyền thống đánh giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo.**

**- Truyền thống đoàn kết quốc tế:** Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung đã trở thành nhân tố thành công trong sự nghiệp đánh giặc, giữ nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**- Truyền thống một lòng theo Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, và thằng lợi của cách mạng Việt Nam.** Và thực tế cho thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta từng bước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước đi lên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

**Câu 3: Trang 13 sgk GDQP-AN lớp 10: Trách nhiệm của học sinh đối với việc phát huy truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**

**TRẢ LỜI**

Đã là một công dân của nước Việt Nam, dù lớn hay bé, mỗi cá nhân đều cố trách nhiệm bảo vệ, xây dựng đất nước. Trong đó, có thể nói, tầng lớp học sinh - là thế hệ măng non của đất nước cũng cần phải có những việc làm cụ thể để thể hiện sự xây dựng và bảo vệ dân tộc. Đó là:

- Thứ nhất, chăm ngoan, học giỏi phấn đầu cùng nhau đưa dất nước trở thành một cường quốc về tri thức.

- Thứ hai, phải am hiểu và biết về lịch sử, về những truyền thống tốt đẹp của cha ông ta trong thời kì xây dựng và bảo vệ tổ quốc để tiếp nối và phát huy.

- Thứ ba, luôn thể hiện sự biết ơn, sự quý trọng đối với những người đã có công xây dựng và bảo vệ đất nước để thế hệ trẻ có được cuộc sống như ngày hôm nay.

- Thứ tư, biết học hỏi và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa trên thế giới....

*C. CÂ U HỎI TR ẮC NG HIỆ M*

**1. Dân tộc ta tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên vào thời nào, năm**

**nào?**

**a.** Hùng Vương – Chống Tần – Năm 214 TCN

**b.** An Dương Vương – Chống Triệu – Năm 218 TCN

**c.** Thục Phán – Chống Triệu – Năm 179 TCN

**d.** An Dương Vương – Chống Tần – Năm 179 TCN

**2. Các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta trong thế kỷ XX?**

**a.** Chống thực dân Pháp (1945-1954), chống để quốc Mĩ (1954-1975)

**b.** Chống đế quốc Mĩ (1954-1975), bảo vệ biên giới Tây Nam 1979

**c.** Chống thực dân Pháp (1945-1954), bảo vệ biên giới phía Bắc 1979

**d.** Chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mĩ, bảo vệ biên giới Tây Nam

**3. Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên của dân tộc ta diễn ra vào thời gian**

**nào?**

**a.** Thế kỷ thứ III TCN

**b.** Thế kỷ thứ I SCN

**c.** Thế kỷ thứ I TCN

**d.** Thế kỷ thứ II TCN

**4. Bài thơ bất hủ “ Nam quốc sơn hà nam để cư”… ở thời nào, chống giặc ngoại xâm nào?**

**a.** Nhà Lý chống quân xâm lược Tống lần II vào năm 1075

**b.** Nhà Tiền Lê chống quân xâm lược Tống lần I vào năm 981

**c.** Nhà Trần chống quân xâm lược Nguyên lần I vào năm 1258

**d.** Nhà Lý chống quân xâm lược Tống lần I vào năm 981

**5. Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIV, các triều đại phong kiến phương bắc nào xâm lược nước ta?**

**a.** Tống, Nguyên, Minh

**b.** Tống, Nguyên, Minh, Thanh

**c.** Đường, Tống, Nguyên

**d.** Tần, Hán, Tống, Nguyên

**6. Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, trận Chi Lăng, Xương**

**Giang diễn ra năm nào?**

**a.** Năm 1427 **b.** Năm 1426 **c.** Năm 1428 **d.** Năm 1429

**7. Thời phong kiến, cuộc chiến tranh nào của dân tộc ta chống giặc ngoại**

**xâm sau cùng?**

**a.** Chống Mãn Thanh.

**b.** Chống Nguyên.

**c.** Chống Minh.

**d.** Chống Nam Hán

**8. Tại sao trong chiến tranh chống kẻ thù xâm lược, đất nước ta luôn phải lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều?**

**a.** Vì tương quan lực lượng giữa ta và địch, địch luôn mạnh hơn ta về kinh tế và quân sự

**b.** Giữa ta và địch, địch luôn có sức mạnh về mọi mặt hơn ta

**c.** Do quan hệ giữa ta và địch, địch luôn mạnh hơn ta về mọi mặt

**d.** Vì đó là truyền thống nghìn năm đánh giặc của dân tộc

**9. Tại sao kẻ thù bên ngoài luôn có âm mưu và tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta?**

**a.** Do vị trí chiến lược và điều kiện kinh tế của đất nước

**b.** Từ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù xâm lược

**c.** Từ điều kiện bên trong của ta, bên ngoài của khu vực

**d.** Có sự lôi kéo của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch

**10.Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, ở Miền Nam quân và dân ta đánh địch trên các vùng chiến lược nào?**

**a.** Đồng bằng, miền núi và thành thị

**b.** Trung du, đồng bằng và đô thị

**c.** Nông thôn, thành thị, miền núi

**d.** Miền núi, trung du, đồng bằng

**11.Câu nào sau đây không phải của Nguyễn Trãi nói về vai trò của nhân dân?**

**a.** “ Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân”

**b.** “ Phàm mưu việc lớn phải lấy dân làm gốc”

**c.** “ Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”

**d.** “ Người đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”

**12.Câu “ Nam quốc sơn hà, nam đế cư” “Non nước vua nam, vua nam ở…”**

**của Lý Thường Kiệt có ý nghĩa gì?**

**a.** Khẳng định về nền độc lập, tự chủ và chủ quyền của dân tộc

**b.** Khẳng định vị thế và giá trị về địa lý của đất nước

**c.** Thể hiện lòng tự hào dân tộc của nhân dân

**d.** Thể hiện quyết tâm chống giặc ngoại xâm của nhân dân

**13.Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, ở Miền Nam phong trào đồng khởi diễn ra thời gian nào, ở đâu?**

**a.** Năm 1959 -1960, Bến Tre

**b.** Năm 1968, Sài Gòn, Chợ Lớn

**c.** Năm 1968, Khe Sanh, Quảng Trị

**d.** Năm 1974- 1975 Tây Nguyên và toàn Miền Nam

**14.“Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ diễn ra vào thời gian nào?**

**a.** Năm 1961 – 1965 **b.** Năm 1959 – 1960 **c.** Năm 1965 – 1968 **d.** Năm 1971 - 1972

**15.“Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ diễn ra vào thời gian nào?**

**a.** Năm 1965 - 1968

**b.** Năm 1959 – 1960 **c.** Năm 1961 – 1965 **d.** Năm 1967 – 1968

**16.Chiến thắng mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta, kết thúc bằng chiến dịch quân sự nào?**

**a.** Hồ Chí Minh

**b.** Tây Nguyên

**c.** Huế, Đà Nẵng

**d.** Quảng Trị, Thừa Thiên

**17.Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, năm 1972 ở Miền**

**Bắc có chiến dịch quân sự nào nổi bật nhất?**

**a.** Chiến dịch phòng không

**b.** Chiến dịch thi đua giết giặc

**c.** Chiến dịch thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người

**d.** Chiến dịch tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mĩ

**18.Qua lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã xây dựng nên truyền thống gì?**

**a.** Dựng nước đi đôi với giữ nước

**b.** Xây dựng đất nước mạnh về quốc phòng để giữ nước

**c.** Quan tâm bảo vệ đất nước là hàng đầu

**d.** Giữ nước là chủ yếu, rất quan trọng

**19.Thế trận nào của dân tộc ta là thế trận đánh giặc vững chắc nhất?**

**a.** Thế trận lòng dân

**b.** Thế về chính trị, ngoại giao

**c.** Thế trận về sự bố trí lực lượng quân đội

**d.** Thế của địa hình đánh giặc

**20.Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta, ở Miền Nam có những cuộc tổng tiến công và nổi dậy nào?**

**a.** Mùa xuân năm 1968 và mùa xuân năm 1975

**b.** Đồng khởi Bến Tre; Xuân 1968

**c.** Mùa xuân 1975; chiến dịch Hồ Chí Minh

**d.** Xuân 1968; Mùa xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh

**21.Những trận đánh lớn nào thời nhà Lê, nổi tiếng trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta ?**

**a.** Chi Lăng, Xương Giang

**b.** Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết

**c.** Ngọc Hồi, Đống Đa, Tốt Động

**d.** Bạch Đằng, Như Nguyệt, Đống Đa

**22.Những triều dại phong kiến nào của Việt Nam tiến hành chiến tranh chống quân xâm lược từ phương Bắc?**

**a.** Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ, Tây Sơn

**b.** Lý, Hồ, Lê Sơ, Tây Sơn

**c.** Đinh, Lý, Trần, Tiền Lê, Nguyễn

**d.** Đinh, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê

**23.Chiến dịch quân sự nào của ta đã buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại Miến Bắc và kí Hiệp định Pa ri về Việt Nam?**

**a.** Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không năm 1972.

**b.** Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

**c.** Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975

**d.** Chiến dịch Mậu thân năm 1968

**24.Truyền thống thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc dáo của dân tộc ta ở thời nhà Lý như thế nào?**

**a.** “ Tiên phát chế nhân” phòng ngự vững chắc, phản công đúng lúc

**b.** Xây thành lũy vững chắc, vây thành diệt viện

**c.** Phản công lớn, phòng ngự vững chắc

**d.** Vây thành diệt viện, phản công kịp thời

**25.Trong cuộc kháng chiến chống Pháp có anh hùng LLVT nào sau đây?**

**a.** Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện

**b.** Lê Mã Lương, Phạm Tuân, Bế Văn Đàn

**c.** Nguyễn Viết Xuân, Tô Vĩnh Diện, Phạm Tuân

**d.** Phan Đình Giót, Lê Mã Lương, Phạm Tuân

**26.Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông, thời Trần dân tộc ta có anh hùng trẻ tuổi nào?**

**a.** Trần Quốc Toản **b.** Trần Khánh Dư

**c.** Trần Thủ Độ

**d.** Trần Nguyên Hãn

**27.Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung của dân tộc Việt Nam**

**a.** Đã trở thành truyền thống, là một nhân tố thành công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước

**b.** Là một nhân tố quyết định thắng lợi trong sự nghiệp dựng nước

**c.** Là một nhân tố quyết định thắng lợi trong sự nghiệp giữ nước

**d.** Đã trở thành truyền thống qúy báu trong xây dựng đất nước

**28.Chiến tranh nhân dân Việt Nam có sức mạnh vô địch, vì sao?**

**a.** Là nguồn gốc cơ bản tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù

**b.** Đây là truyền thống để tạo nên sức mạnh đánh thắng kẻ thù

**c.** Có sức mạnh vô địch để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược

**d.** Là nguyên nhân của sức mạnh để đánh thắng kẻ thù

**29.Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, ở Miền Nam quân và dân ta kết hợp đánh địch bằng 3 mũi giáp công nào?**

**a.** Chính trị, quân sự, binh vận

**b.** Quân sự, chính trị, kinh tế

**c.** Quân sự, chính trị, ngoại giao

**d.** Chính trị, tư tưởng và quân sự,

**30.Truyền thống “cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện” của dân tộc ta được hình thành từ thời nào?**

**a.** Nhà Trần

**b.** Nhà Lê

**c.** Nhà Hồ

**d.** Nhà Nguyễn

**31.Nội dung nào sau đây không phải là truyền thống trong chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?**

**a.** Luôn chăm lo xây dựng thành trì vững chắc để bảo vệ đất nước

**b.** Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, lấy LLVTND làm nòng cốt

**c.** Kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, ngoại giao

**d.** Kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, binh vận

**32.Trong “ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” năm 1946 của Chủ tịch Hồ**

**Chí Minh có câu nào sau dây?**

**a.** “ Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm”

**b.** “ Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân”

**c.** “ Không có gì quý hơn độc lập, tự do”

**d.** “ Tiến lên chiến sĩ đồng bào, Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn”

**33.Một nội dung đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam từ khi có**

**Đảng là:**

**a.** Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng

**b.** Đi theo con đường cách mạng, không sợ hi sinh, gian khổ

**c.** Tin tưởng vào sự lãnh đạo của nhân dân, vào thắng lợi của nhân dân

**d.** Tin tưởng vào khả năng của nhân dân vào thắng lợi của cách mạng

**34.Tại sao nói cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc?**

**a.** Mục đích cuộc chiến tranh là nhằm giải phóng dân tộc, nhân dân khỏi ách áp bức bóc lột của kẻ thù bên ngoài

**b.** Vì phải đem sức ta mà giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột của kẻ thù

**c.** Vì mục đích cuộc chiến tranh là nhằm giải phóng vùng đất do kẻ thù bên ngoài chiếm đóng

**d.** Vì tính chất của cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân

**35.Khi xâm lược nước ta, kẻ thù luôn phải đối mặt với phương thức tiến hành chiến tranh nào của nhân đân ta?**

**a.** Chiến tranh nhân dân với toàn dân tham gia, LLVT làm nòng cốt

**b.** Chiến tranh với các binh đoàn chủ lực mạnh về vũ khí

**c.** Chiến tranh toàn dân với đông đảo tầng lớp trong xã hội tham gia

**d.** Chiến tranh tổng lực với nghệ thuật quân sự hiện đại

**36.Trong chiến tranh, cha ông ta đã kết hợp tiến công địch như thế nào?**

**a.** Vừa đánh vừa đàm, vừa đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại

giao

**b.** Vừa đánh vừa đàm, vừa đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao, lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu

**c.** Vừa đánh vừa đàm, vừa đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại

giao, lấy đấu tranh ngoại giao là chủ yếu

**d.** Vừa đấu tranh tư tưởng, vừa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao

**37.Trong lịch sử chống kẻ thù xâm lược, dân tộc ta đã có nhiều trận chiến thắng trên sông Bạch Đằng vào những năm nào?**

**a.** Năm 938, 981 và 1287

**b.** Năm 938, 1075 và 1258

**c.** Năm 938, 1075 và 1285

**d.** Năm 938 và 1427

**38.Thời kỳ cách mạng 1954 – 1975, Đảng ta lãnh đạo tiến hành chiến lược cách mạng như thế nào?**

**a.** Tiến hành đồng thời hai chiến lược của cách mạng, vừa xây dựng CNXH

ở Miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh giải phóng Miền Nam

**b.** Tiến hành bảo vệ XHCN ở Miền Bắc kết hợp với chiến tranh giải phóng

Miền Nam

**c.** Vừa xây dựng CNXH ở Miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở Miền Nam

**d.** Vừa bảo vệ CNXH ở Miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở Miền Nam

**BÀI 2: LỚP 10 LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG QUÂN ĐỘI NHÂN**

**DÂN VIỆT NAM**

*A. LÝ THUYẾ T*

**I. Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam**

**1. Thời kì hình thành**

- Ngay từ buổi đầu của cách mạng VIỆT NAM đã chủ trương thành lập một tổ

chức quân đội.

- Ngày 22-12-1944 Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập- tiền thân của QĐNDVN.

**2. Thời kì xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược**

***a. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp***

- Qúa trình phát triển.

o Năm 1951, quân đội ta chính thức mang tên gọi : Quân đội nhân dân Việt Nam(Vietnam People`s Army -VPA) và được gọi cho đến ngày nay.

o Thành phần gồm: Bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương.

- Để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, quân đội ta vừa chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, lập nhiều chiến công hiển hách.

- Tiêu biểu: Thắng lợi ở chiến dịch Việt Bắc- Thu đông 1947; Thắng lợi ở chiến dịch Biên giới 1950; Thắng lợi ở chiến dịch Tây Bắc 1952. Cuộc chiến Đông xuân 1953-1954 đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc kháng chiến chống Pháp.

***b. Trong kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược***

• Pháp thua, Mĩ chen chân vào xâm lược Việt Nam âm mưu chia cắt lâu dài

nước ta.

• Ở miền Bắc, quân đội đã xây dựng theo hướng chính quy.

• Ở miền nam, 1961 các lực lượng miền nam thống nhất với tên gọi “Quân giải

phóng”

• Quân đội ta đã đánh bại 3 loại hình chiến tranh kiểu mới của Mĩ: chiến lược chiến tranh đặc biệt , chiến lược chiến tranh cục bộ, chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

• Năm 1972, đánh tan cuộc tập kích bằng máy bay của Mĩ.

• Năm 1975, ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh thống nhất đất nước.

***c. Thời kì xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.***

• Trong thời kì mới, quân đội ta được xây dựng theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, luôn tích cực học hỏi, đổi mới, tăng cường sức chiến đấu và tham gia các nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

**II. Truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam**

• Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng

• Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng

• Gắn bó máu thịt với nhân dân

• Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỉ luật tự giác, nghiêm minh

• Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước

• Nêu cao tình thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thủy chung với bạn bè quốc tế

**II. Lịch sử, truyền thống công an nhân dân việt nam**

**I. Lịch sử công an nhân dân Việt Nam**

**1. Thời kì hình thành**

- Ngày 19 tháng 8 năm 1945, lực lượng Công an được thành lập.

- Ở Bắc Bộ đã thành lập “Sở Liêm phóng” và “Sở Cảnh sát”. Các tỉnh đều thành lập “Ty Liêm phóng” và “Ty Cảnh sát”.

**2. Thời kì xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ (2945 - 1975)**

***a. Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)***

- Ngày 15 tháng 1 năm 1950, Hội nghị Công an toàn quốc xác định Công an nhân dân Việt Nam có 3 tính chất: “dân tộc, dân chủ, khoa học”.

- Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Ban Công an tiền phương nằm trong Hội

đồng cung cấp mặt trận, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ,

***b. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ ( 1954 – 1975)***

- Thời kì này, Công an góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường xây dựng lực lượng, cùng cả nước dốc sức giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

**3. Thời kỳ đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến**

**nay**

- Công an đổi mới tổ chức và hoạt động, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

**II. Truyền thống công an nhân dân Việt Nam**

- Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng

- Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu

- Độc lập, tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạp những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học - công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu

- Tận tụy trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu.

- Quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng, thủy chung, tình nghĩa

*B . CỦ NG CỐTHEO SGK*

**Câu 1: Trang 24 sgk GDQP-AN lớp 10: Trình bày quá trình hình thành, xây dựng và trường thành của Quân đội nhân dân Việt Nam?**

**TRẢ LỜI**:

Quá trình hình thành:

- *Chính cương vắn tắt của Đảng, tháng 2/1930 đã đề cập tới việc: “ tổ*

*chức ra quân đội công nông”.*

- *Luận cương chính trị tháng 10/1930 xác định chủ trương xây dựng đội*

*“tự vệ công nông”.*

- *Trong quá trình phát triển của phong trào cách mạng các đội vũ trang đã ra đời như: Đội tự vệ đỏ, Xích vệ đỏ trong phong trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh; đội du kích Nam Kì; đội du kích Bắc Sơn; đội du kích Ba Tơ…*

- *Ngày 22/12/1944 đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập.*

- *Tháng 4/1945, hội nghị quân sự Bắc Kì của Đảng quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trong nước thành: “Việt Nam giải phóng quân”.*

Quá trình xây dựng và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp

và Mĩ

a. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954; Quá trình phát triển:

- *Tên gọi của Quân đội nhân dân Việt Nam gắn liền với nhiệm vụ cách mạng qua từng thời kì. Sau CMTT, đội Việt Nam giải phóng quân được đổi thành “Vệ quốc đoàn”.*

- *Ngày 22/5/1946 thành lập quân đội quốc gia Việt Nam; năm 1951, đổi*

*tên là QĐNDVN.*

Quá trình chiến đấu và chiến thắng:

- *Chiến thắng Việt Bắc – Thu Đông 1947.*

- *Chiến thắng Biên giới năm 1950.*

- *Chiến thắng Tây Bắc 1952.*

- *Chiến dịch Thượng Lào 1953.*

- *Chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử*

*Điện biên phủ.*

- *Một số anh hùng tiêu biểu: Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót,*

*La Văn Cầu,….*

b. Trong kháng chiến chống đế quốc Mĩ 1954- 1975

Quá trình phát triển:

- *Từ năm 1954 – 1965, lực lượng quân đội ta ở miền Bắc bước vào xây dựng chính quy, luyện tập lập công, góp phần thắng lợi trong công cuộc cải tạo và khôi phục kinh tế, làm điểm tựa cho cuộc đấu tranh thống nhất*

*nước nhà.*

- *Ngày 15/1/1961 các lực lượng vũ trang tại miền Nam được thống nhất với tên gọi: “ Quân giải phóng”.*

- *Quá trình chiến đấu và chiến thắng:*

- *Năm 1961 – 1965 đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ.*

- *Từ năm 1965 – 1968 đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ.*

- *Từ 1968 – 1972 đánh bại chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh.*

- *Quân và dân ta đã bắn rơi hàng ngàn máy bay, bắt sống hàng trăm giặc lái.*

- *Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.*

- *Một số anh hùng tiểu biểu: Lê Mã Lương, Nguyễn Viết Xuân, Phạm*

*Tuân,...*

- *Thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*

Kết luận

- *Với chức năng là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất, Quân đội nhân dân Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng là công cụ bạo lực của Đảng, nhà nước và nhân dân.*

- *Hiện nay, quân đội ta xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng – an ninh*

*trong mọi tình huống; đồng thời tham gia công tác phòng chống thiên tai, góp phần phát triển kinh tế, xã hội.*

**Câu 2: Trang 24 sgk GDQP-AN lớp 10: Trình bày quá trình hình thành, xây dựng và trường thành của Công an nhân dân Việt Nam?**

**T RẢ L ỜI**

Thời kì hình thành:

- *Cách mạng tháng tám thành công 1945, yêu cầu bảo vệ chính quyền cách mạng được coi trọng*

- *Dưới sự lãnh đạo của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh lực lượng công an được thành lập ngày 19 tháng 8 năm 1945.*

- *Tổ chức tiền thân: Bắc bộ thành lập "Sở liêm phóng" và "Sở cảnh sát". Các tỉnh thành lập*

*"Ti liêm phóng" và "Ti cảnh sát"*

- *Chiến công đầu tiên: Bảo vệ thành công ngày quốc khánh 2/9/1945 và phá tan vụ án phố*

*Ôn Như Hầu.*

Thời kì xây dựng và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ

- Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

▪ *Đầu năm 1947, Nha công an trung ương chấn chỉnh về tổ chức gồm: Văn phòng,*

*Ti điệp báo, Ti chính trị, Bộ phận an toàn khu.*

▪ *6/1949 Nha công an trung ương tổ chức hội nghi điều tra toàn quốc*

▪ *15/1/1950 Hội nghị công an toàn quốc xác định công an nhân dân có 3 tính chất: "Dân tộc, dân chủ, khoa học*

▪ *28/2/1950 Đảng quyết định sáp nhập bộ phận tình báo quân đội vào Nha công an*

▪ *Trong chiến dịch Điên Biên Phủ CAND có nhiệm vụ bảo vệ lực lượng tham gia chiến dịch, bảo vệ dân công, giao thông vận tải và đường hành quân của bộ đội*

▪ *Tấm gương tiêu biểu: Võ Thị Sáu (CA Bà Rịa), Trần Việt Hùng( Hải Dương), Trần*

*Văn Châu (Nam Định).*

- Thời kì kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954 -1975)

▪ *1954 -1960 Góp phần ổn định an ninh, khôi phục kinh tế, cải Tạo XHCN ở miền*

*Bắc. Phát triển lực lượng ở miền Nam*

▪ *1961 -1965 Góp phần đánh thắng chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.*

▪ *1965 -1968 Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 1, làm thất bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam*

▪ *1969 - 1973 Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2, làm phá sản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"*

▪ *1973 - 1975 CAND cùng cả nước giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Giành chiến thắng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975*

- Thời kì đất nước thống nhất cả nước đi lên CNXH 1975 đến nay

▪ *Đất nước thống nhất đi lên CNXH. Công an nhân dân đổi mới tổ chức và hoạt động đấu tranh.*

▪ *Làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính*

*trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống*

**Câu 3: Trang 24 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu truyền thống vẻ vang của Quân**

**đội nhân dân Việt Nam?**

**T RẢ L ỜI**

Những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là:

- *Thứ nhất: Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Quân đội luôn chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc và CNXH*

- *Thứ hai: Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng. Quân đội luôn quyết tâm đánh giặc giữ nước, quyết không sợ hi sinh gian khổ, xã thân vì sự nghiệp cách mạng và luôn biết sử dụng nghệ thuật quân sự trong chiến tranh.*

- *Thứ ba: Gắn bó máu thịt với nhân dân. Quân đội ta từ nhân dân mà ra vì nhân dân mà chiến đấu. Truyền thống đó được thể hiện tập trung trong 10 lời thề danh dự của quân nhân và 12 điều kỉ luật khi quan hệ với nhân dân của quân nhân.*

- *Thứ tư: Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỷ luật tự giác, nghiêm minh. Sức mạnh của quân đội xây dựng bởi nội bộ đoàn kết thống nhất và kỉ luật tự giác, nghiêm minh.*

- *Thứ năm: Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công. Quân đội ta luôn phát huy tinh thân khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ cả trong chiến đấu, lao động sản xuất và công tác.*

- *Thứ sáu: Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thuỷ chung với bè bạn quốc tế. Biểu hiện tập trung cho truyền thống đó là sự liên minh chiến đấu giữa quân tình nguyện Việt Nam với đội quân Pathet Lào và bộ đội yêu nước Cam-pu-chia, hay là sự liên minh chiến đấu của quân đội Việt Nam với quân đội nhân dân Trung Quốc....*

**Câu 4: Trang 24 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam?**

**T RẢ L ỜI:**

Những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là:

- *Thứ nhất: Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng: Công an nhân dân chiến đầu vì mục tiêu, lí tưởng của Đảng và trở thành công cụ bạo lực sắc bén của nhà nước trong việc chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, trung thành với mục tiêu, nhiệm vụ được giao.*

- *Thứ hai: Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu: Lực lượng Công an nhân dân đã cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân, lấy sự bình yên cuộc sống làm mục tiêu phục vụ và lấy sự gắn bó phối hợp cùng nhân dân là điều kiện hoàn thành nhiệm vụ.*

- *Thứ ba: Độc lập, tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ*

*an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học – công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu.*

- *Thứ tư: Tận tuỵ trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu: Kẻ thù chống phá rất tinh vi, xảo quyệt đòi hỏi lực lượng công an phải luôn tận tụy, cảnh giác, bí mật, mưu trí, dũng cảm để điều tra, xét hỏi, nắm bắt bằng chứng được chính xác và chuẩn bị chứng cứ để bắt đúng kẻ phạm tội.*

- *Thứ năm: Quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng, thuỷ chung, nghĩa tình: Thể hiện rõ nhất là sự phối hợp công tác của công an ba nước Đông Dương: Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trong*

*kháng chiến chống Pháp và Mĩ.*

*C. CÂU HỎ I TRẮ C NGHỆ M*

**1. Văn kiện nào của Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập đến việc “Tổ chức ra quân đội công nông”?**

**a.** Chính cương sách lược văn tắt tháng 2 năm 1930.

**b.** Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930.

**c.** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 (1951)

**d.** Nghị quyết Hội nghị quân sự Bắc Kì tháng 4 năm 1945

**2. Ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam là ngày**

**a.** 22-12-1944

|  |  |
| --- | --- |
| **b.** | 22 -12-1945 |
| **c.** | 22 - 5 -1946 |
| **d.** | 22-5-1945. |

**3. Ngày đầu thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân có bao nhiêu chiến sĩ?**

**a.** 34 chiến sĩ **b.** 32 chiến sĩ **c.** 23 chiến sĩ **d.** 43 chiến sĩ

**4. Tháng 4 năm 1945, Hội nghị quân sự Bắc Kì của Đảng quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trong nước thành:**

**a.** Việt Nam giải phóng quân.

**b.** Vệ quốc đoàn.

**c.** Quân đội quốc gia Việt Nam.

**d.** Quân đội nhân dân Việt Nam

**5. Tên gọi Quân đội nhân dân Việt Nam có từ khi nào?**

**a.** Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951)

**b.** Sau cách mạng tháng 8 năm 1945

**c.** Ngày 22-5-1946, ngày Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 71/SL

**d.** Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954)

**6. Quân đội nhân dân Việt Nam có những chức năng gì?**

**a.** Chiến đấu, công tác, lao động sản xuất

**b.** Chiến đấu, công tác, tuyên truyền vận động nhân dân

**c.** Chiến đấu, học tập, công tác, làm kinh tế

**d.** Chiến đấu, tuyên truyền và vận động nhân dân

**7. Câu nói “Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù” là của ai?**

**a.** Anh hùng Lê Mã Lương

**b.** Liệt sĩ Phan Đình Giót

**c.** Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân

**d.** Anh hùng Phạm Tuân

**8. Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

**b.** Trung thành vô hạn với nhà nước.

**c.** Trung thành vô hạn với nhân dân lao động.

**d.** Trung thành vô hạn với nhà nước và toàn dân.

**9. Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng.

**b.** Đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**c.** Quyết chiến với mọi kẻ thù xâm lược.

**d.** Quyết chiến, quyết thắng, đánh chắc, tiến chắc.

**10.Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỷ luật tự giác, nghiêm minh.

**b.** Đoàn kết chặt chẽ với nhau như ruột thịt.

**c.** Thực hiện toàn quân một ý chí chiến đấu.

**d.** Hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận.

**11.Phương hướng xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay là gì?**

**a.** Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

**b.** Cách mạng, thiện chiến, tinh nhuệ, hiện đại.

**c.** Gọn, nhẹ, cơ động nhanh, chiến đấu giỏi.

**d.** Chính quy, hiện đại, tinh nhuệ, phản ứng nhanh.

**12.Chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là trận Phay Khắt, Nà Ngần, hai địa danh đó thuộc tỉnh nào hiện nay?**

**a.** Tỉnh Cao Bằng.

**b.** Tỉnh Bắc Cạn.

**c.** Tỉnh Lạng Sơn. **d.** Tỉnh Lào Cai

**13.Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 71/SL thành lập Quân đội quốc gia Việt**

**Nam vào thời gian nào?**

**a.** 22-5-1946 **b.** 22-5-1945 **c.** 25-2-1946 **d.** 25-2-1945

**14.Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quyết định thành lập bộ đội địa phương vào thời**

**gian nào?**

**a.** 04/07/1949 **b.** 07/04/1949 **c.** 04/07/1948 **d.** 07/04/1948

**15.Quân đội nhân dân Việt Nam không có chức năng nào sau đây?**

**a.** Đội quân làm kinh tế

**b.** Đội quân chiến đấu.

**c.** Đội quân lao động sản xuất

**d.** Đội quân công tác

**16.Chiến sỹ La Văn Cầu đã nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương để tiếp tục**

**chiến đấu ở chiến dịch nào?**

**a.** Chiến dịch Biên giới

**b.** Chiến dịch Việt bắc

**c.** Chiến dịch Hòa Bình

**d.** Chiến dịch Điện Biên Phủ

**17.Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Gắn bó máu thịt với nhân dân

**b.** Quan hệ của quân với dân như cá với nước

**c.** Luôn công tác cùng nhân dân

**d.** Hòa nhã với dân, kiên quyết với địch

**18.Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước.

**b.** Cần kiệm, độc lập, tự chủ, tự cường trong xây dựng quân đội.

**c.** Cần kiệm, độc lập, tự lực, tự cường trong xây dựng quốc phòng của đất nước.

**d.** Độc lập, tự chủ trong chiến đấu, lao động sản xuất xây dựng quân đội, xây dựng đất nước.

**19.Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thủy chung với bạn bè quốc tế.

**b.** Có tinh thần quốc tế vô sản, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ quốc tế.

**c.** Có tinh thần giúp đỡ quân đội và nhân dân các nước, thủy chung với bạn

bè

**d.** Đoàn kết, thủy chung với quân đội các nước láng giềng.

**20.Một trong những nguyên tắc xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**

**a.** Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản

Việt Nam.

**b.** Phải có kỷ luật sắt, nghiêm minh, đáp ứng tốt yêu cầu chiến đấu.

**c.** Phải có khả năng cơ động nhanh, chiến đấu giỏi.

**d.** Xây dựng quân đội nhiều về số lượng, đáp ứng tốt yêu cầu chiến đấu.

**21.Sự ra đời của Công an nhân dân phản ánh nội dung gì?**

**a.** Là một đòi hỏi tất yếu khách quan của lịch sử

**b.** Thể hiện yêu cầu của nhân dân

**c.** Là yêu cầu của Công an nhân dân

**d.** Là một yêu cầu của đất nước nhằm chống kẻ thù xâm lược

**22.Một trong những lí do cho sự ra đời của Công an nhân dân là?**

**a.** Các lực lượng phản động trong, ngoài nước cấu kết chống phá ta quyết liệt

**b.** Các lực lượng phản động ngoài nước có ý đồ xâm lược nước ta

**c.** Các lực lượng phản động trong nước có ý đồ tiến công xâm lược

**d.** Là chuẩn bị cho đất nước chống kẻ thù xâm lược

**23.Ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân là:**

**a.** Ngày 19/8/1945

**b.** Ngày 19/12/1946 **c.** Ngày 02/9/1945

**d.** Ngày 22/12/1944

**24.Năm 1945, ở Bắc Bộ lực lượng Công an nhân dân đã thành lập cơ quan, tổ chức nào?**

**a.** Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát

**b.** Sở Liêm phóng và Sở Công an

**c.** Sở An ninh và Sở Cảnh sát

**d.** Sở Công an và Sở Cảnh sát

**25.Các tổ chức tiền thân của lực lượng Công an nhân dân đã tham gia nhiệm vụ gì?**

**a.** Tham gia tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng 8/1945

**b.** Tham gia đánh giặc ngày 19/12/1946

**c.** Tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ 1954

**d.** Tham gia giải phóng Thủ Đô Hà Nội năm 1954

**26.Ngày 15/01/1950 Hội nghị Công an toàn quốc xác định Công an nhân dân**

**Việt Nam có tính chất gì?**

**a.** Dân tộc, dân chủ, khoa học

**b.** Quyết chiến, quyết thắng, biết thắng

**c.** Toàn dân, toàn diện, hiện đại

**d.** Đoàn kết, kỷ cương, nghiêm minh

**27.Bộ phận Tình báo quân đội được sáp nhập vào Nha Công an khi nào?**

**a.** Ngày 28/02/1950 **b.** Ngày 19/8/1945 **c.** Ngày 22/12/1945 **d.** Ngày 07/5/1954

**28.Anh hùng lực lượng vũ trang nào sau đây thuộc Công an nhân dân?**

**a.** Võ Thị Sáu

**b.** Nguyễn Viết Xuân

**c.** Anh hùng Lê Mã Lương

**d.** Phạm Tuân

**29.Nội dung nào sau đây không đúng với nhiệm vụ, thành tích của lực lượng**

**Công an nhân dân từ năm 1961 đến 1965?**

**a.** Đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ

**b.** Tăng cường xây dựng lực lượng

**c.** Bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc

**d.** Đẩy mạnh đấu tranh chống lực lượng phản cách mạng và tội phạm khác

**30.Nội dung nào sau đây không đúng với nhiệm vụ, thành tích của lực lượng**

**Công an nhân dân từ năm 1951 đến 1968?**

**a.** Đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ

**b.** Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

**c.** Góp phần làm thất bại ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ

**d.** Góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mĩ

**31.Nội dung nào sau đây là thành tích của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1969 đến 1973?**

**a.** Góp phần làm phá sản chiến lược ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc

Mĩ

**b.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ **c.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ **d.** Đánh thắng ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ

**32.Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân từ năm**

**1973 đến 1975?**

**a.** Cùng cả nước dốc sức giải phóng miến Nam, thống nhất đất nước

**b.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ

**c.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ

**d.** Đánh thăng ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ

**33.Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng.

**b.** Trung thành vô hạn với nông dân lao động.

**c.** Trung thành vô hạn với nhà nước và toàn dân.

**d.** Trung thành vô hạn với nhà nước.

**34.Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu.

**b.** Đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**c.** Chiến đấu kiên quyết với bọn phản động.

**d.** Quyết chiến, quyết thắng, đánh thắng.

**35.Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, những thành tựu khoa học công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu

**b.** Chiến đấu quyết liệt với kẻ thù

**c.** Thực hiện toàn quân với dân một ý chí chiến đấu.

**d.** Hết lòng giúp đỡ nhau lúc ra trận.

**36.Nội dung nào sau đây không phải là truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam?**

**a.** Cơ động nhanh, chiến đấu rất giỏi, linh hoạt.

**b.** Cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu

**c.** Tận tụy trong công việc

**d.** Dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu

**37.Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam**

**là gì?**

**a.** Quan hệ quốc tế trong sáng, thủy chung, nghĩa tình

**b.** Chiến đấu sát cánh bên nhau với lực lượng công an quốc tế.

**c.** Chiến đấu kiên quyết với kẻ thù xâm lược từ bên ngoài.

**d.** Luôn lắng nghe và quan tâm đến nguyện vọng của nhân dân.

**38.Đảng Cộng sản Việt nam lãnh đạo Công an nhân dân Việt Nam theo nguyên tắc nào?**

**a.** Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt

**b.** Tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện.

**c.** Toàn diện, trực tiếp về mọi mặt.

**d.** Tuyệt đối, toàn diện về mọi mặt

**39.Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng Công an nhân dân có nội dung nào sau đây?**

**a.** Vì nước quên thân, vì dân phục vụ

**b.** Kẻ thù nào cũng đánh thắng

**c.** Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành

**d.** Khó khăn nào cũng vượt qua

**40.Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng Công an nhân dân có nội**

**dung nào sau đây?**

**a.** Với địch phải kiên quyết, khôn khéo

**b.** Phải trung thành với nhiệm vụ chiến đấu được giao

**c.** Với địch phải chiến đấu một cách kiên quyết

**d.** Với công việc phải hoàn thành thật tốt

**41.Thể hiện tập trung nhất về sự hợp tác quốc tế của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam là:**

**a.** Sự phối hợp công tác của công an Việt Nam, Lào và Campuchia trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ.

**b.** Sự phối hợp một cách tuyệt đối trong công tác của công an Việt Nam với

công an Lào anh em

**c.** Sự chi viện tuyệt đối trong công tác của công an Việt Nam với công an

Lào, Campuchia anh em

**d.** Sự phối hợp công tác của công an Việt Nam với công an các nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ.

**Bài 3: ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG**

*A . LÝ THUY ẾT: (CÁC K IẾN THỨC CƠ BẢ N CẦ N NẮ M)*

I. Động tác nghiêm

II. Động tác nghỉ

III. Động tác quay tại chổ

- *Quay bên phải*

- *Quay bên trái*

- *Quay nửa bên phải*

- *Quay nửa bên trái*

- *Quay đằng sau*

IV. Động tác chào

- *Động tác chào cơ bản khi đội mũ cứng, mũ kê-pi*

- *Động tác chào cơ bản khi đội mũ mềm, mũ hải quân*

- *Động tác nhìn bên phải (trái) chào*

- *Chào khi không đội mũ*

- *Chào khi đến gặp cấp trên*

V. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân khi đang đi đều

- *Động tác đi đều*

- *Động tác đứng lại*

- *Động tác đổi chân khi đang đi đều*

VI. Động tác giậm chân, đứng lại, đổi chân khi đang giậm chân

- *Động tác giậm chân*

- *Động tác đứng lại*

- *Động tác đổi chân trong khi giậm chân*

VII. Động tác giậm chân chuyển thành đi đều, đang đi đều chuyển thành giậm chân

- *Động tác giậm chân chuyển thành đi đều*

- *Động tác đi đều chuyển thành giậm chân*

VIII. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái

- *Tiến, lùi*

- *Qua phải, qua trái*

IX. Động tác ngồi xuống, đứng dậy

- *Ngồi xuống*

- *Đứng dậy*

X. Động tác chạy đều, đứng lại

- *Động tác chạy đều*

- *Động tác đứng lại*

*B . CỦ NG CỐ THEO SGK :*

**Câu 1: Trang 42 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu ý nghĩa và cách thực hiện các động tác nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ?**

**TRẢ LỜI :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Ý nghĩa*** | ***Cách thực hiện*** |
| ***Động tác***  ***nghiêm*** | *để rèn luyện cho mọi người tác phong nghiêm túc, tư thế hùng mạnh khẩn trương, đức tính bình tĩnh, nhẫn nại, đồng thời rèn luyện ý thức tổ chức, kỉ luật thống nhất và tập trung, sẵn sàng chấp hành mệnh lệnh.* | *- Khẩu lệnh: “nghiêm”.*  *- Động tác: Nghe dứt động lệnh nghiêm, hai gót chân đặt sát nào nhau, nằm trên 1 đường thẳng ngang, hai bàn chân mở rộng 1 góc 45 độ, hai đầu gối thẳng, sức nặng toàn thân dồn đều vào 2 chân, ngực nở, bụng hơi thót lại, hai vai thăng bằng, hai tay buông thẳng, năm ngón tay khép lại…* |
| ***Động tác nghỉ*** | *Để khi đứng trong đội hình đỡ mỏi, đứng được lâu mà vẫn tập trung sự chú ý, giữ được tư thế, hàng ngũ nghiêm chỉnh.* | *- Khẩu lệnh: “nghỉ”.*  *- Động tác: Nghe dứt động lệnh “nghỉ”, đầu gối hơi chùng, sức nặng toàn thân dồn vào chân phải, thân trên và 2 tay vẫn giữ như khi đứng nghiêm. khi mỏi đổi chân* |
| ***Động tác quay tại chỗ*** | *để đổi hướng nhanh chóng, chính xác mà vẫn giữ được vị trí đứng. Quay tại chỗ là động tác cơ bản làm cơ sở cho đổi hình, đổi hướng trong phân đội được trật tự thống nhất.* | *a) Động tác quay bên phải:*  *- Khẩu lệnh: “Bên phải – Quay”.*  *- Nghe dứt động lệnh quay thực hiện 2 cử động:*  *- Cử động 1: Thân trên vẫn giữ ngay ngắn, hai đầu gới thẳng tự nhiên, lấy gót chân phải và mũi chân trái làm trụ, phối hợp với sức xoay của thân người* |

*quay toàn thân sang phải 1 góc 90 độ, sức nặng toàn thân dồn vào chân phải.*

*- Cử động 2: Đưa chân trái lên, đặt hai gót chân sát vào nhau thành tư thế đứng nghiêm.*

*Các động tác: quay bên trái, quay nửa bên trái, quay nửa bên phải, quay đằng sau tương tự động tác quay bên phải.*

***Câu 2: Trang 42 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu ý nghĩa và cách thực hiện động tác chào***

**TRẢ LỜI :**

**Ý ng hĩ a:** Biểu thị tính tổ chức, tính kỉ luật, tinh thần đoàn kết, nếp sống văn minh và tôn trọng lẫn nhau.

**C ách thực hi ện:**

***Động tác chào khi đội mũ cứng, mũ Kê-pi***

• Khẩu lệnh "CHÀO"

Nghe dứt khẩu lệnh "CHÀO", tay phải đưa lên theo đường gần nhất, đặt đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ (lưỡi trai), năm ngón tay khép lại duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống, hơi chếch về trước; bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên ngang vai; đầu ngay, mắt nhìn thẳng vào người mình chào

• Thôi chào:

Khẩu lệnh "THÔI"

Nghe dứt khẩu lệnh "THÔI", tay phải đưa xuống theo đường gần nhất về tư thế đứng nghiêm

***Động tác chào khi đội mũ mềm, mũ hải quân***

*Kh i độ i m ũ m ềm , dã ch iến*

• Khẩu lệnh "CHÀO"

Nghe dứt khẩu lệnh "CHÀO", tay phải đưa lên theo đường gần nhất, đặt đầu ngón tay giữa đặt chạm vào bên phải vành lưỡi trai, năm ngón tay khép lại duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống, hơi chếch về trước; bàn tay và cánh tay dưới thành

một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên ngang vai; đầu ngay, mắt nhìn thẳng vào người mình chào

• Thôi chào:

Khẩu lệnh "THÔI"

Nghe dứt khẩu lệnh "THÔI", tay phải đưa xuống theo đường gần nhất về tư thế đứng nghiêm

*Kh i độ i m ũ hả i q uân*

• Khẩu lệnh "CHÀO"

Nghe dứt khẩu lệnh "CHÀO", tay phải đưa lên theo đường gần nhất, đặt đầu ngón tay giữa chạm vào phía dưới bên phải vành mũ, năm ngón tay khép lại duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống, hơi chếch về trước; bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên ngang vai; đầu ngay, mắt nhìn thẳng vào người mình chào

• Thôi chào:

Khẩu lệnh "THÔI"

Nghe dứt khẩu lệnh "THÔI", tay phải đưa xuống theo đường gần nhất về tư thế đứng nghiêm

**Câu 3: Trang 42 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu ý nghĩa và cách thực hiện các động**

**tác đi đều, đổi chân khi đang đi và đứng lại.**

**TRẢ L Ờ I:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Động tác đi đều** | **Động tác đứng lại** | **Động tác đổi chân khi đang đi đều** |
| **Ý**  **Nghĩa** | *Vận dụng để di chuyển vị trí và đội hình có trật tự, thống nhất, hùng mạnh và trang nghiêm.* | *Động tác đứng lại để đang đi đều dừng lại được nghiêm chỉnh, trật tự, thống nhất mà vẫn giữ được đội hình.* | *Động tác đổi chân khi đang đi đều để thống nhất nhịp đi chung trong phân đội hoặc theo tiếng ô của người chỉ huy.* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cách thực hiện** | *- Khẩu lệnh: “đi đều – bước”*  *- Động tác: nghe dứt động lệnh bước thưc hiện hai cử động:*  *+ Cử động 1: Chân trái bước lên một bước*  *cách chân phải 60cm (tính từ gót chân nọ đến gót chân kia) đặt gót rồi cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái; đồng thời tay phải đánh ra phía trước, khuỷu tay gập và hơi nâng lên, cánh tay hợp với thân người môt góc 450, cẳng tay gần thành đường thăng bằng, nắm tay úp xuống và hơi chếch về phía trước, khớp xương thứ 3 của ngón tay trỏ cách thân người 20cm, thẳng hàng với khuy áo; tay trái đánh về phía sau thẳng tự nhiên, lòng bàn tay quay vào trong, mắt nhìn thẳng.*  *+ Cử động 2: Chân phải bước lên cách chân trái 60 cm, tay trái đánh ra phía trước, tay*  *phải đánh ra phía sau. Cứ như vậy chân nọ tay*  *kia tiếp tục bước với tốc độ 110 bước/ phút.* | *- Khẩu lệnh: “đứng lại – đứng”. Khi đang đi đều, người chỉ huy hô dự lệnh “đứng lại” và động lệnh “đứng” khi chân phải bước xuống.*  *- Động tác: nghe dứt động lệnh “đứng”, thực*  *hiện hai cử động:*  *+ Cử động 1: chân trái bước lên một bước, bàn chân đặt chếch sang trái một góc 22,50.*  *+ Cử động 2: Chân phải đưa lên, đặt hai gót chân*  *sát vào nhau, đồng thời 2*  *tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.* | *- Động tác thực hiện 3 cử động:*  *+ Cử động 1: Chân trái*  *bước lên một bước vẫn đi đều.*  *+ Cử động 2: Chân phải*  *bước lên một bước ngắn*  *(bước đệm), đặt mũi bàn chân sau gót chân trái, dùng mũi chân phải làm trụ, chân trái bước nhanh về trước một bước ngắn, hai tay giữ nguyên.*  *+ Cử động 3: Chân phải bước lên phối hợp với đánh*  *tay, đi theo nhip đi thống*  *nhất.* |

**Câu 4: Trang 42 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu ý nghĩa và cách thực hiện các động tác giậm chân, đổi chân khi đang giậm chân, đứng lại, giậm chân chuyển thành đi đều và ngược lại.**

**TRẢ LỜI**

**a) Động tác giậm chân:**

- Ý nghĩa: Động tác giậm chân để điều chỉnh đội hình trong khi đi được nhanh chóng

và trật tự.

- Khẩu lệnh: “giậm chân – giậm”.

- Nghe dứt động lệnh “giậm”, thực hiện 2 cử động:

• Cử động 1: Chân trái nhấc lên, mũi bàn chân thả lỏng tự chiên, cách mặt đất

20 cm, tay phải đánh ra phía trước, tay trái đánh về phía sau như đi đều.

• Cử động 2: Chân trái giậm xuống, chân phải nhấc lên, tay trái đánh lên, tay phải đánh về sau. Cứ như vậy, chân nọ tay kia phối hợp nhịp nhàng giậm chân tại chỗ với tốc độ 110 bước/phút.

**b) Động tác đứng lại:**

- Ý nghĩa: Đưa về tư thế nghiêm.

- Khẩu lệnh: “đứng lại – đứng”.

-Khi đang giậm chân, người chỉ huy hô dự lệnh “đứng lại” và động lệnh “đứng” khi chân phải giậm xuống.

- Nghe dứt động lệnh “đứng”, thực hiện 2 cử động:

• Cử động 1: Chân trái giậm xuống, bàn chân đặt chếch sang trái một góc 22,50, chân phải nhấc lên (như cử động 2 động tác giậm chân).

• Cử động 2: Chân phải đặt xuống để hai gót chân sát nhau, đồng thời hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

**c) Động tác đổi chân khi đang giậm chân:**

- Ý nghĩa: Động tác đổi chân khi đang giậm chân để thống nhât nhịp chung trong phân đội hoặc theo tiếng hô của người chỉ huy.

- Trường hợp: Khi đang giậm chân, nghe tiếng hô của người chỉ huy: “một” khi chân phải giậm xuống, “hai” khi chân trái giậm xuống, hoặc thấy mình đi sai so với nhịp chân của phân đội thì phải đổi chân ngay.

Động tác đổi chân thực hiện ba cử động:

• Cử động 1: Chân trái giậm tiếp 1 bước.

• Cử động 2: Chân phải giậm liên tiếp 2 bước (tại chỗ), hai tay giữ nguyên.

• Cử động 3: Chân trái giậm xuống, rồi tiếp tục giậm chân theo nhịp thống nhất.

**d) Động tác giậm chân chuyển thành đi đều:**

- Khẩu lệnh: “ Đi đều – bước”, người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh khi chân phải giậm xuống.

- Đang giậm chân, nghe dứt động lệnh “bước”, chân trái bước lên chuyển thành động tác đi đều.

**e) Động tác đi đều chuyển thành giậm chân:**

- Khẩu lệnh: “giậm chân – giậm”, người chỉ huy hô dự lệnh và động lệnh khi chân phải bước xuống.

- Đang đi đều, nghe dứt động lệnh “giậm”, chân trái bước lên một bước rồi dừng lại, chân phải nhấc lên, mũi bàn chân cách mặt đất 20 cm rồi đặt xuống. Cứ như vậy, chân nọ tay kia phối hợp nhịp nhàng giậm chân tại chỗ theo nhịp thống nhất.

**Câu 5: Trang 42 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu ý nghĩa và cách thực hiện các động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống, đứng dậy.**

**TRẢ LỜI**

**Ý nghĩa:** giúp di chuyển vị trí ở cự li ngắn (từ 5 bước trở lại) và để điều chỉnh đội hình được trật tự, thống nhất.

**Cách thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Động tác tiến, lùi** | **Động tác qua trái, qua phải** | **Động tác đứng dậy** | **Động tác ngồi xuống** |
| *Khẩu kệnh: "Tiến (lùi) X bước* | *Khẩu lệnh: Qua phải* | *Khẩu lệnh: "ĐỨNG* | *- Khẩu lệnh : “NGỔI XUỐNG ".*  *- Nghe dứt động lệnh “NGỒI XUỐNG ”. thực hiện hai cử động:*  *+ Cử động 1 : Chân phải bước chéo qua chân trái, gót chân phải đặt ngang*  *1/2 bàn chân trái.*  *+ Cứ động 2: Người từ từ ngồi xuống, bai chân chéo nhau hoặc để rộng bằng vai; hai tay cong tự nhiên, hai khuỷu tay đặt trên hai đầu gối hai chân, bàn tay trái nấm cổ tay phải, khi mới thì đổi tay.* |
| *- BƯỚC"* | *(trái) X bước - BƯỚC.* | *DẬY"* |
| *- Khi tiến: Nghe dứt động lệnh* | *Nghe dứt động lệnh* | *Nghe dứt động lệnh* |
| *"BƯỚC", chân trái bước lên* | *"BƯỚC", chân phải* | *"ĐỨNG DẬY", thực* |
| *trên cách chân phải 60cm,* | *(trái) bước sang phải* | *hiện hai cử động:* |
| *thân người vẫn ở tư thế đứng* | *(trái) mỗi bước rộng* | *+ Cử động 1: Hai chân* |
| *nghiêm, chân phải bước tiếp* | *bằng bai (tính từ mép* | *đặt chéo nhau như khi* |
| *cách chân trái 60cm, cứ như* | *ngoài của hai bàn chân),* | *ngồi xuống, hai tay* |
| *vậy bước đủ số bước thì chân* | *sau đó chân trái (phải)* | *nắm lại chống xuống* |
| *phải (trái) đưa về thành tư thế* | *đưa chân sang thành tư* | *đất (mu bàn tay hướng* |
| *đứng nghiêm.* | *thế đứng nghiêm rồi tiếp* | *về trước), cổ tay thẳng,* |
| *- Khi lùi: Nghe dứt động lệnh* | *tục bước đủ số bước quy* | *phối hợp hai chân đẩy* |
| *"BƯỚC", chân trái lùi một* | *định thì đứng lại thành* | *người đứng dậy.* |
| *bước về sau cách chân phải* | *tư thế đứng nghiêm.* | *+ Cử động 2: Chân* |
| *60cm, thân người vẫn ở tư thế* |  | *phải đưa về đặt gót* |
| *nghiêm, chân phải lùi tiếp cách* |  | *chân sát gót chân trái* |
| *chân trái 60cm, cư như vậy* |  | *thành tư thế đứng* |
| *bước lùi đủ số bước thì chân* |  | *nghiêm.* |
| *phải (trái) đưa về thành tư thế* |  |  |
| *đứng nghiêm.* |  |  |

**Câu 6: Trang 42 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu ý nghĩa và cách thực hiện các động**

**tác chạy đều, đứng lại**

**Trả lời:**

**Ý nghĩa :**

• Động tác chạy đều để di chuyển cự li xa trên 5 bước được nhanh chóng, trật tự, thống nhất.

• Động tác đứng lại để dừng lại được trật tự và thống nhất mà vẫn giữ được đội

hình

**Cách thực hi ện**

***Động tác chạy đều***

• Khẩu lệnh: “Chạy đều - CHẠY ".

• Nghe dự lệnh “Chạy đều ”, hai bàn tay nắm lại, đầu ngón tay cái đặt lên bên ngoài đốt thứ hai của ngón tay giữa, hai tay co lên sát bên sườn, cổ tay ngang thắt lưng, lòng bàn tay úp vào trong người. Toàn thân vẫn thẳng, mắt nhìn thẳng, người hơi ngả về trước, sức nặng toàn thân dồn vào hai mũi bàn chân (không kiếng gót)

• Nghe đứt động lệnh “CHẠY”, thực hiện hai cử động:

o Cử động 1: Dùng sức bật của chân phải, chân trái bước lên một bước

cách chân phải 75 cm tính từ hai gót bàn chân (đốt với quân nhân là

85cm), đặt mũi bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào mũi bàn chân trái, đồng thời tay phải đánh ra phía trước, cẳng tay hơi chếch vào trong người, nắm tay thẳng với đường khuy áo túi ngực bên phải, khuỷu tay không quá thân người. Tay trái đánh về phía sau, nắm tay không quá thân người.

o Cử dộng 2: Chân phải bước lên cách chân trái 75cm, tay trái đánh ra phía trước như tay phải, tay phải đánh về phía sau như tay trái (ở cự động l). Cứ như vậy chân nọ, tay kia phối hợp nhịp nhàng chạy với tốc độ I70 bước trong một phút.

***Động tác đứng lại***

• Khẩu lệnh: "Đứng lại - ĐỨNG”. Đang chạy đều người chỉ huy hô dự lệnh

“Đứng lại” và động lệnh “ĐỨNG" khi chân phải bước xuống.

• Nghe dứt động lệnh “ĐỨNG ", thực hiện bốn cử động:

o Cự động 1: Chân trái bước lên bước thứ nhất, vẫn chạy đều.

o Cử dộng 2: Chân phải bước lên bước thứ hai, vẫn chạy đều nhưng giảm tốc độ.

o Cử động 3: Chân trái bước lên bước thứ ba, bàn chân đật chếch sang trái

một góc 22.5 độ, rồi dừng lại, hai tay vẫn đánh.

o Cử động 4: Chân phải đưa lên đạt gót chân sát gót chân trái, đồng thời hai tay đưa về thành tư thế chuẩn bị chạy đều, rồi trở về tư thế đứng nghiêm.

*C. CÂ U HỎI TR ẮC NG HIỆ M*

***1. Khi ở động tác nghiêm, hai chân khác với động tác nghỉ như thế nào?***

**a.** Hai đầu gối thẳng, sức nặng toàn thân dồn vào hai chân

**b.** Đặt sát vào nhau, mở rộng một góc 450độ

**c.** Thân người phía trên ở tư thế nghiêm

**d.** Ngón tay khép lại, cong tự nhiên

***2. Tại sao người đi trong đội hình phải đổi chân khi đang đi đều?***

**a.** Vì sai nhịp đi chung trong phân đội

**b.** Khi cần làm chuẩn cho đội hình

**c.** Để nhịp đi đều hơn, đẹp hơn

**d.** Đổi chân theo lệnh của chỉ huy

***3. Tại sao phải có động tác đổi chân khi đang đi đều?***

**a.** Để thống nhất nhịp đi chung trong phân đội

**b.** Để khắc phục khó khăn khi đi trên địa hình mấp mô

**c.** Nhằm giữ giãn cách đúng quy định trong khi đi

**d.** Để phục tùng tuyệt đối mệnh lệnh người chỉ huy

**4. Khi nào chiến sĩ phải đổi chân ngay trong đội hình đang đi đều?**

**a.** Khi thấy mình đi sai với nhịp chung của đơn vị

**b.** Khi có lệnh của người chỉ huy phải đổi chân

**c.** Khi cần phải làm chuẩn cho cả đội hình

**d.** Trong khi đi có tiếng hô của người chỉ huy

**5. Trong đội ngũ từng người không có súng, động tác chạy đều dùng để làm**

**gì?**

**a.** Khi di chuyển cự li xa trên 5 bước được nhanh chóng, trật tự và thống nhất

**b.** Thực hiện mệnh lệnh của người chỉ huy được nhanh chóng

**c.** Khi vận động trong điều kiện địa hình bằng phẳng

**d.** Khi di chuyển xa được nhanh chóng và thống nhất

**6. Chào cấp trên xong, khi nào người chào bỏ tay xuống?**

**a.** Khi cấp trên chào đáp lễ xong

**b.** Khi cấp trên cho phép bỏ tay xuống

**c.** Khi báo cáo hết nội dung

**d.** Phải giữ nguyên động tác trước cấp trên sau khi chào

**7. Đội ngũ từng người không có súng quy định trong trường hợp nào không phải đưa tay chào?**

**a.** Khi hai tay đang bận làm nhiệm vụ

**b.** Khi mang găng tay

**c.** Khi đang làm việc, học tập

**d.** Khi đang nói chuyện với người khác

**8. Động tác quay tại chỗ dùng để làm gì?**

**a.** Để đổi hướng nhanh chóng, chính xác, giữ được vị trí đứng

**b.** Để đổi hướng theo đúng ý định, giữ được vị trí đứng

**c.** Để đổi thực hiện lệnh của người chỉ huy một cách chính xác

**d.** Để nhanh chóng đổi đội hình, giữ được đúng hướng

**9. Động tác quay tại chỗ dùng trong trường hợp nào?**

**a.** Khi cần đổi hướng nhưng vẫn giữ được vị trí đứng

**b.** Khi có ý định thay đổi hướng và vị trí

**c.** Khi cần thực hiện lệnh của người chỉ huy một cách chính xác

**d.** Khi phải nhanh chóng đổi đội hình, nhưng giữ đúng hướng

**10.Quay tại chỗ có những động tác nào?**

**a.** Quay bên phải; quay bên trái; quay đằng sau; quay nửa bên phải; quay nửa

bên trái

**b.** Quay bên phải; quay bên trái; đằng sau quay; quay nửa bên phải; quay nửa

bên trái

**c.** Quay bên phải; bên trái quay; quay đằng sau; quay nửa bên phải

**d.** Bên phải quay; quay bên trái; quay đằng sau; quay nửa bên trái

**11.Trong đội ngũ từng người không có súng, quay tại chỗ có mấy động tác?**

**a.** 05 **b.** 02 **c.** 03 **d.** 04

**12.Khi quay đằng sau cần phải quay như thế nào ?**

**a.** Lấy gót chân trái và mũi chân phải làm trụ, quay từ trái sang phải về sau

180độ

**b.** Đưa chân trái về sau, quay từ trái sang phải về sau 180độ theo chiều kim đồng hồ

**c.** Lấy hai mũi chân phải làm trụ, quay từ trái sang phải về sau 180độ

**d.** Lấy gót chân phải và mũi chân trái làm trụ, quay từ phải sang trái về sau

180 độ

**13.Trong đội ngũ từng người không có súng, khẩu lệnh dùng trong các cách quay tại chỗ**

**a.** Gồm có động lệnh và dự lệnh

**b.** Chỉ có dự lệnh “….quay”

**c.** Chỉ có động lệnh “…quay”

**d.** Có động lệnh và dự lệnh như nhau

**14.Trong đội ngũ từng người không có súng, có mấy động tác chào cơ bản?**

**a.** 01 **b.** 04 **c.** 03 **d.** 02

**15.Trong đội ngũ từng người không có súng, động tác chào cơ bản có:**

**a.** Chào khi đội mũ cứng, mũ kêpi

**b.** Chào khi đang đội mũ

**c.** Chào khi đội mũ cứng, mũ mềm

**d.** Chào khi có mũ keepi, mũ mềm

**16.Trong đội ngũ từng người không có súng, có mấy động tác chào ?**

**a.** 03 **b.** 02 **c.** 04 **d.** 05

**17.Trong đội ngũ từng người không có súng, khi không đội mũ, động tác chào như thế nào?**

**a.** Chào như khi đội mũ, chỉ khác đầu ngón tay giữa ngang đuôi lông mày bên phải

**b.** Chào đúng như khi đang đội mũ, nhìn thẳng vào người mình chào

**c.** Chào như khi đội mũ, nhưng đầu ngón tay trỏ ngang đuôi lông mày bên phải

**d.** Không phải thực hiện động tác chào, chỉ nhìn thẳng vào người mình chào

**18.Trong đội ngũ từng người không có súng, động tác chào gồm những trường hợp nào?**

**a.** Chào khi có mũ cứng, mũ kêpi; chào nửa bên phải (trái); chào khi không có mũ

**b.** Chào khi đang đội mũ; chào nửa bên trái; chào khi không đội mũ

**c.** Chào khi có mũ cứng, mũ mềm; chào nửa bên phải; chào khi không đội mũ

**d.** Chào khi đội mũ kêpi; chào nửa bên phải

**19.Trong đội ngũ từng người không có súng, trường hợp nào không phải đưa**

**tay chào?**

**a.** Khi hai tay đang bận làm nhiệm vụ

**b.** Khi mang găng tay

**c.** Khi đang làm việc

**d.** Khi đang bận nói với người khác

**20.Khẩu lệnh động tác chào gồm có:**

**a.** Dự lệnh và động lệnh “ nhìn bên phải (trái)- chào” hoặc chỉ có động lệnh

“chào”

**b.** Chỉ có Dự lệnh “ nhìn bên phải chào”

**c.** Chỉ có Động lệnh “ nhìn bên phải chào”

**d.** Dự lệnh và động lệnh “chào”

**21.Để đổi hướng nhanh chóng, chính xác, nhưng vẫn giữ được vị trí đứng phải có động tác nào?**

**a.** Các cách quay tại chỗ

**b.** Giậm chân tại chỗ, đổi hướng

**c.** Đối chân trong khi giậm chân

**d.** Đi đều đổi hướng

**22.Tiến lùi, qua phải, qua trái vận dụng trong trường hợp nào?**

**a.** Để di chuyển cự li ngắn từ 5 bước trở lại **b.** Để di chuyển cự li ngắn từ 6 bước trở lại **c.** Để di chuyển cự li ngắn từ 4 bước trở lại **d.** Để di chuyển cự li ngắn từ 3 bước trở lại

**23.Khi tiến, lùi, mỗi bước chân là bao nhiêu cm**

**a.** Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 60cm

**b.** Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 70cm

**c.** Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 65cm

**d.** Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 55cm

**24.Khi nghe dứt động lệnh “Tiến”, chiến sĩ trong hàng thực hiện chân nào bước lên trước?**

**a.** Chân trái bước lên trước, sau đến là chân phải

**b.** Chân phải bước lên 1/2 bước, tiếp đến là châm trái bước lên

**c.** Chân trái bước lên 1/2 bước, tiếp đến là châm phải bước lên

**d.** Chân phải bước lên trước, sau đến chân trái

**25.Khi nghe dứt động lệnh “ Bước” thực hiện động tác tiến, lùi như thế nào?**

**a.** Chân trái bước lên cách chân phải 60cm, sau đến chân phải bước tiếp cách

chân trái 60cm

**b.** Chân trái bước lên cách chân phải 60cm, sau dó đứng nghiêm rồi chân phải bước tiếp

**c.** Chân phải bước lên cách chân phải 60cm, sau đến chân trái bước tiếp cách

chân trái 60cm

**d.** Chân phải bước lên cách chân phải 60cm, sau dó đứng nghiêm rồi chân trái bước tiếp

**26.Khi tiến, lùi, qua phải, qua trái cần chú ý điểm gì?**

**a.** Không nhìn xuống để bước

**b.** Khi bước phải luôn quan sát, nhìn người bên cạnh

**c.** Phải nhìn xuống chân để bước cho chuẩn xác

**d.** Khi bước hai tay phải đưa lên trước, về phía sau đúng góc độ

**27.Động tác ngồi xuống, đúng dậy dùng khẩu lệnh như thế nào?**

**a.** Chỉ có Động lệnh “Ngồi xuống” hoặc “Đứng dậy”

**b.** Có Dự lệnh “Ngồi xuống” và Động lệnh “Đứng dậy”

**c.** Có Dự lệnh và Động lệnh “Chuẩn bị - Ngồi xuống”

**d.** Có Động lệnh và Dự lệnh “Chuẩn bị - Ngồi xuống”

**28.Trong đội ngũ từng người không có súng, tốc độ khi chạy đều bao nhiêu bước/phút**

**a.** 170 bước/ phút **b.** 140 bước/ phút **c.** 150 bước/ phút **d.** 160 bước/ phút

**29.Trong đội ngũ từng người không có súng, khi giậm chân với tốc độ bao nhiêu bước/phút**

**a.** 110 bước/ phút **b.** 120 bước/ phút **c.** 130 bước/ phút **d.** 140 bước/ phút

**30.Nội dung cần chú ý khi đi đều không bao gồm nội dung nào sau đây?**

**a.** Khi đánh tay ra sau phải chú ý đánh sang hai bên thân người

**b.** Khi đánh tay ra phía trước phải nâng khuỷu tay đúng độ cao

**c.** Không nâng đùi, đúng độ dài mỗi bước và tốc độ

**d.** Người ngay ngắn, không nghiêng ngả, gật gù, không nói chuyện...

**31.Khi đi đều, nhịp đi theo tiếng hô của người chỉ huy như thế nào là đúng?**

**a.** Hô “Một” khi chân trái bước xuống, “ Hai” khi chân phải bước xuống

**b.** Hô “Một” hoặc “ Hai” vào chân nào cũng đều đúng

**c.** Hô “Một” khi chân phải bước xuống; “ Hai” khi chân trái bước xuống

**d.** Hô “Một” khi chân trái bước lên; “ Hai” khi chân phải bước lên

**32.Trong đội hình đi đều, nhịp đi theo tiếng hô của người chỉ huy như thế nào thì người đi phải đổi chân?**

**a.** “Một” khi chân phải bước xuống, “ Hai” khi chân trái bước xuống

**b.** “Một” khi chân trái bước xuống

**c.** “ Hai” khi chân phải bước xuống

**d.** Đúng nhịp đi chung trong phân đội

**BÀI 4: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

*A . LÝ THUY ẾT: (CÁC K IẾN THỨC CƠ BẢ N CẦ N NẮ M)*

**I. Đội ngũ tiểu đội**

**1. Đội hình tiểu đội hàng ngang**

• a. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

• b. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

**2. Đội hình tiểu đội hàng dọc**

• a. Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc

• b. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

**3. Động tác tiến, lùi, qua phải, qua trái**

• a. Động tác tiến, lùi

• b. Động tác qua trái, qua phải

**4. Giãn đội hình, thu đội hình**

• a. Giãn đội hình hàng ngang

• b. Thu đội hình hàng ngang

• c. Giãn đội hình hàng dọc

• d. Thu đội hình hàng dọc

**II. Đội ngũ trung đội**

**1. Đội hình trung đội hàng ngang**

• a. Đội hình trung đội 1 hàng ngang

• b. Đội hình trung đội 2 hàng ngang

• c. Đội hình trung đội 3 hàng ngang

**2. Đội hình trung đội hàng dọc**

• a. Đội hình trung đội 1 hàng dọc

• b. Đội hình trung đội 2 hàng dọc

• c. Đội hình trung đội 3 hàng dọc

*B. CỦ NG CỐ THEO SGK:*

**Câu 1: Trang 64 sgk GDQP -AN lớp 10: Thực hiện các bước chỉ huy đội hình tiểu đội hàng ngang**

**TRẢ L Ờ I:**

**\* Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang:**

• Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang thường dùng trong sinh hoạt, học tập, kiểm tra quân số, khám súng, giá súng...

• Động tác thực hiện, trình tự tập hợp gồm 4 bước:

o Bước 1: Tập hợp đội hình.

o Bước 2: Điểm số.

o Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ.

o Bước 4: Giải tán.

**\* Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang:**

• Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang thường dùng trong sinh hoạt, học tập, kiểm tra quân số, khám súng, giá súng...

• Động tác thực hiện trình tự tập hợp gồm 3 bước:

o Bước 1: Tập hợp đội hình.

o Bước 2: Chỉnh đốn hàng ngũ.

o Bước 3: Giải tán.

**Câu 2: Trang 64 sgk GDQP -AN lớp 10: Thực hiện các bước chỉ huy đội hình tiểu đội hàng dọc**

**Trả lời:**

**Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc**

• Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc thường dùngtrong hành quân, trong đội hình tập hợp của trung đội ,đại đội khi tập trung học tập, sinh hoạt.

• Tập hợp thực hiện tuần tự 4 bước:

o **B1:** Tập hợp. Khẩu lệnh: “Tiểu đội x thành 1 hàng dọc tập hợp”, có dự lệnh, động lệnh

o **B2:** Điểm số: Khẩu lệnh “Điểm số ” không có dự lệnh.

o **B3:** Chỉnh đốn hàng ngũ : Khẩu lệnh “ Nhìn bên phải thẳng…thôi” có dự lệnh và động lệnh

o **B4:** Giải tán: Khẩu lệnh “Giải tán”không có dự lệnh. Nghe dứt động lệnh “giải tán ” mọi người trong tiểu đội tản ra.

**Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc**

• Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc thường dùng trong hành quân, trong đội hình tập hợp của trung đội ,đại đội khi tập trung học tập, sinh hoạt.

• Tập hợp thực hiện tuần tự 4 bước:

o **B1:**Tập hợp. Khẩu lệnh: “Tiểu đội x thành 2 hàng dọc tập hợp”, có dự lệnh, động lệnh

o **B2:** Điểm số: Khẩu lệnh “Điểm số ” không có dự lệnh.

o **B3:** Chỉnh đốn hàng ngũ : Khẩu lệnh “ Nhìn bên phải thẳng…thôi” có dự lệnh và động lệnh

o **B4:** Giải tán: Khẩu lệnh “Giải tán”không có dự lệnh. Nghe dứt động lệnh “giải tán ” mọi người trong tiểu đội tản ra.

**Câu 3: Trang 64 sgk GDQP -AN lớp 10: Thực hiện các bước chỉ huy đội hình**

**trung đội hàng ngang**

**Trả lờ i:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đội hình trung đội 1 hàng ngang*** | ***Đội hình trung đội 2 hàng***  ***ngang*** |
| ***Bước 1: Tập hợp***  *- Khẩu lệnh: “TRUNG ĐỘI …, THÀNH 1 HÀNG NGANG, TẬP HỢP”;*  *- Động tác:*  *+ Trung đội trưởng hô khẩu lệnh xong, quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn;*  *+ Cán bộ, chiến sĩ nghe gọi phiên hiệu của đơn vị mình, quay về phía trung đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh; dứt khẩu lệnh, các phó trung đội trưởng đứng sau trung đội trưởng thành một hàng dọc; bên trái trung đội trưởng theo thứ tự Tiểu đội 1, Tiểu đội 2, Tiểu đội 3 mỗi tiểu đội một hàng ngang, thành trung đội 1 hàng ngang;* | ***Bước 1: Tập hợp***  *- Khẩu lệnh: “TRUNG ĐỘI …, THÀNH 2 HÀNG NGANG, TẬP HỢP”;*  *- Động tác:*  *+ Trung đội trưởng hô khẩu lệnh xong, quay về hướng định tập hợp, đứng nghiêm làm chuẩn;*  *+ Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội nhanh chóng chạy vào vị trí, đứng sau trung đội trưởng là trung đội phó, bên trái trung đội trưởng thứ tự Tiểu đội 1,* |

*+ Khi các đồng chí Phó trung đội trưởng và cán bộ, chiến sĩ Tiểu đội 1 đã đứng vào vị trí, Trung đội trưởng chạy đều ra phía trước chính giữa đội hình, cách từ 5 đến 8 bước, đôn đốc trung đội tập hợp, các đồng chí Phó trung đội trưởng tiến lên, đồng chí Phó trung đội trưởng thứ nhất đứng ngang với Tiểu đội trưởng Tiểu đội 1 (hình 42).*

***Bước 2: Điểm số***

*- Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ” hoặc “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”;*

*- Động tác:*

*+ Điểm số toàn trung đội: Nghe dứt khẩu lệnh “ĐIỂM SỐ”, lần lượt điểm số từ Tiểu đội 1 đến hết trung đội, đồng chí đứng cuối cùng của Tiểu đội 3 hô “HẾT”, không quay mặt;*

*+ Điểm số theo từng tiểu đội: Nghe dứt khẩu lệnh “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”, lần lượt điểm số theo thứ tự Tiểu đội*

*1, Tiểu đội 2, Tiểu đội 3; điểm số từ tiểu đội trưởng đến hết, đồng chí đứng cuối cùng của từng tiểu đội điểm số xong hô “HẾT”, không quay mặt.*

***Bước 3: Chỉnh đốn hàng***

*- Khẩu lệnh: “NGHIÊM; NHÌN BÊN PHẢI (TRÁI), THẲNG”;*

*“THÔI”;*

*- Động tác:*

*+ Nghe dứt động lệnh “THẲNG”, đồng chí làm chuẩn nhìn thẳng, các đồng chí khác quay mặt gióng hàng, gióng hàng xong trung đội trưởng hô “THÔI”, toàn trung đội về tư thế đứng nghiêm. Trung đội trưởng quay nửa bên trái (phải), chạy đều về bên phải (trái) đồng chí làm chuẩn, cách từ 3 đến 5 bước, quay vào đội hình để chỉnh đốn hàng ngũ. Động tác, khẩu lệnh khi chỉnh hàng thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 49 Thông tư này.*

***Bước 4: Giải tán đội hình***

*- Khẩu lệnh: “GIẢI TÁN”;*

*- Động tác: Nghe dứt khẩu lệnh, cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng tản ra.*

*Tiểu đội 2, Tiểu đội 3, mỗi tiểu đội 2 hàng ngang, trung đội thành 2 hàng ngang. Khi Tiểu đội 1 vào vị trí, trung đội trưởng quay nửa bên trái, chạy đều ra đứng phía trước chính giữa và cách đội hình từ 5 đến 8 bước, quay vào đội hình đôn đốc trung đội tập hợp (Hình 43).*

***Bước 2: Điểm số***

*- Khẩu lệnh: “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”;*

*- Động tác: Nghe dứt khẩu lệnh, thứ tự từng tiểu đội điểm số theo quy định tại Tiết 2, Điểm b, Khoản 2, Điều 49 Thông tư này (Tiểu đội trưởng không điểm số).* ***Bước 3: Chỉnh đốn hàng***

*- Khẩu lệnh: “NGHIÊM; NHÌN BÊN PHẢI (TRÁI), THẲNG”; “THÔI”;*

*- Động tác:*

*+ Cán bộ, chiến sĩ đánh mặt gióng hàng ngang, hàng dọc;*

*+ Khẩu lệnh, động tác khi chỉnh hàng thực hiện theo quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều này.* ***Bước 4: Giải tán đội hình***

*- Khẩu lệnh: “GIẢI TÁN”;*

*- Động tác: Nghe dứt khẩu lệnh, cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng tản ra.*

**Câu 4: Trang 64 sgk GDQP -AN lớp 10: Thực hiện các bước chỉ huy đội hình**

**trung đội hàng ngang.**

**TRẢ L Ờ I:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đội hình trung đội 1 hàng dọc*** | ***Đội hình trung đội 2 hàng dọc*** |
| ***Bước 1: Tập hợp***  *- Khẩu lệnh: “TRUNG ĐỘI …, THÀNH 1 HÀNG DỌC, TẬP HỢP”;*  *- Động tác:*  *+ Trung đội trưởng hô khẩu lệnh xong, quay về hướng định tập hợp, đứng nghiêm làm chuẩn;*  *+ Cán bộ, chiến sĩ nghe gọi đến phiên hiệu của đơn vị mình, quay về phía trung đội trưởng đứng nghiêm chờ* | ***Bước 1: Tập hợp***  *- Khẩu lệnh: “TRUNG ĐỘI … THÀNH 2*  *HÀNG DỌC, TẬP HỢP”;*  *- Động tác: Nghe dứt động lệnh, toàn trung đội chạy vào vị trí, đứng sau trung đội trưởng là các phó trung đội trưởng thành một hàng dọc, tiếp đến Tiểu đội 1, Tiểu đội 2, Tiểu đội 3 mỗi tiểu đội thành 2* |

|  |  |
| --- | --- |
| *lệnh; dứt khẩu lệnh, phó trung đội trưởng chạy vào đứng sau trung đội trưởng; tiếp đến Tiểu đội 1, Tiểu đội 2, Tiểu đội 3 mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc, trung đội thành 1 hàng dọc;*  *+ Khi tiểu đội 1 đã đứng vào vị trí tập hợp, trung đội trưởng chạy đều lên trước bên trái và cách đội hình từ*  *5 đến 8 bước đôn đốc trung đội tập hợp (hình 45).* | *hàng dọc, trung đội thành 2 hàng dọc*  *(hình 46).* |
| ***Bước 2: Điểm số***  *- Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ” hoặc “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”;*  *- Động tác:*  *+ Điểm số toàn trung đội: Nghe dứt khẩu lệnh, toàn trung đội điểm số từ 1 đến hết;*  *+ Điểm số từng tiểu đội: Thực hiện việc điểm số theo quy định tại Tiết 1, Điểm b, Khoản 2, Điều 50 Thông tư này.* | ***Bước 2: Điểm số***  *- Khẩu lệnh: “TỪNG TIỂU ĐỘI ĐIỂM SỐ”;*  *- Động tác: Thực hiện việc điểm số theo quy định tại Tiết 2, Điểm b, Khoản 2, Điều*  *50 Thông tư này.* |
| ***Bước 3: Chỉnh đốn hàng***  *- Khẩu lệnh: “NGHIÊM; NHÌN TRƯỚC, THẲNG”; “THÔI”;*  *- Động tác:*  *+ Nghe dứt động lệnh “THẲNG”, cán bộ, chiến sĩ về tư thế đứng nghiêm, nhìn vào chính giữa gáy người đứng trước gióng hàng, đúng cự ly, giãn cách. Khi dịch chuyển nếu ở tư thế giữ súng phải xách súng;*  *+ Khi gióng hàng, cán bộ, chiến sĩ nhìn vào gáy người đứng trước, không nhìn thấy gáy của người thứ 2 đứng trước mình;*  *+ Trung đội trưởng hô “THÔI”, sau đó quay nửa bên trái đi đều về phía trước chính giữa đội hình, cách đồng chí phó trung đội trưởng thứ nhất từ 3 đến 5 bước, quay bên phải để kiểm tra, chỉnh hàng. Khi không nhìn thấy cán bộ, chiến sĩ số 2 trở xuống là thẳng hàng. Nếu đồng chí nào đứng chưa thẳng hàng, trung đội trưởng dùng khẩu lệnh “ĐỒNG CHÍ (HOẶC SỐ …), QUA PHẢI (TRÁI)”; chỉnh hàng xong hô “ĐƯỢC”.* | ***Bước 3: Chỉnh đốn hàng***  *- Khẩu lệnh: “NGHIÊM; NHÌN TRƯỚC, THẲNG”; “THÔI”;*  *- Động tác:*  *+ Nghe dứt động lệnh: “THẲNG”, các phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng qua trái 1 phần 2 bước đứng trước chính giữa đội hình tiểu đội, toàn trung đội gióng hàng dọc, hàng ngang;*  *+ Trung đội trưởng hô “THÔI”, sau đó quay nửa bên trái đi đều về phía trước chính giữa đội hình, các đồng chí phó trung đội trưởng thứ nhất từ 3 đến 5 bước, quay bên phải để kiểm tra, chỉnh hàng. Khi không nhìn thấy đồng chí số 2 trở xuống là thẳng hàng. Nếu đồng chí nào đứng chưa thẳng hàng, trung đội trưởng dùng khẩu lệnh “ĐỒNG CHÍ (HOẶC SỐ*  *…) QUA PHẢI (TRÁI)”; chỉnh hàng xong hô “ĐƯỢC”, các phó trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng trở về vị trí.* |
| ***Bước 4: Giải tán đội hình***  *- Khẩu lệnh: “GIẢI TÁN”;*  *- Động tác: Nghe dứt khẩu lệnh, cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng tản ra.* | ***Bước 4: Giải tán đội hình***  *- Khẩu lệnh: “GIẢI TÁN”;*  *- Động tác: Nghe dứt khẩu lệnh, cán bộ, chiến sĩ nhanh chóng tản ra.* |

*C. CÂ U HỎI TR ẮC NG HIỆ M*

**1. Tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang có mấy bước?**

**a.** 4 bước

**b.** 2 bước

**c.** 3 bước

**d.** 1 bước

**2. Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**3. Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**4. Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng dọc gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**5. Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng dọc gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**6. Khi kiểm tra gióng hàng, tiểu đội trưởng phải làm gì?**

**a.** Thực hiện động tác qua phải (trái) để kiểm tra

**b.** Nghiêng đầu để kiểm tra theo chuẩn

**c.** Bước qua phải hoặc qua trái 5 bước

**d.** Đứng tại chỗ để kiểm tra toàn đội hình

**7. Đội hình tiểu đội có đội hình nào sau đây?**

**a.** 2 hàng ngang, 2 hàng dọc

**b.** 3 hàng dọc; 4 hàng dọc

**c.** 3 hàng ngang, 2 hàng dọc

**d.** 3 hàng dọc, 2 hàng ngang

**8. Đội hình nào sau đây phải thực hiện điểm số?**

**a.** Đội hình trung đội 1 hàng dọc

**b.** Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

**c.** Đội hình trung đội 2 hàng dọc

**d.** Đội hình trung đội 2 hàng ngang

**9. Đội hình nào sau đây không thực hiện điểm số?**

**a.** Đội hình trung đội 2 hàng ngang

**b.** Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang

**c.** Đội hình trung đội 1 hàng dọc

**d.** Đội hình trung đội đội 3 hàng ngang

**10.Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng ngang như thế nào?**

**a.** “Tiểu đội X thành 1 hàng ngang – Tập hợp”

**b.** “Toàn tiểu đội X, 1 hàng ngang- Tập hợp”

**c.** “Toàn tiểu đội X, thành 1 hàng ngang- Tập hợp”

**d.** “Tiểu đội X chú ý: thành 1 hàng ngang- tập hợp”

**11.Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng ngang như thế nào?**

**a.** “Tiểu đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”

**b.** “Toàn tiểu đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”

**c.** “Toàn tiểu đội X 2 hàng ngang- Tập hợp”

**d.** “Tiểu đội X chú ý: thành 2 hàng ngang - Tập hợp”

**12.Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng dọc như thế nào?**

**a.** “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc – Tập hợp”

**b.** “Toàn tiểu đội X, 1 hàng dọc – Tập hợp”

**c.** “Toàn tiểu đội X, thành 1 hàng dọc – Tập hợp”

**d.** “Tiểu đội X chú ý: thành 1 hàng dọc - Tập hợp”

**13.Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng dọc như thế nào?**

**a.** “Tiểu đội X thành 2 hàng dọc – Tập hợp”

**b.** “Toàn tiểu đội X, 2 hàng dọc – Tập hợp”

**c.** “Tiểu đội X chú ý: thành 2 hàng dọc – Tập hợp”

**d.** “Toàn tiểu đội X, thành 2 hàng dọc – Tập hợp”

**14.Tiểu đội gồm những đội hình nào?**

**a.** 1 hàng ngang; 1 hàng dọc; 2 hàng ngang; 2 hàng dọc

**b.** 3 hàng ngang; 3 hàng dọc; 2 hàng ngang; 2 hàng dọc

**c.** 4 hàng ngang; 3 hàng dọc; 4 hàng dọc

**d.** 3 hàng dọc; 4 hàng ngang; 5 hàng ngang

**15.Tiểu đội hàng ngang có đội hình nào?**

**a.** 2 hàng ngang **b.** 4 hàng ngang **c.** 3 hàng ngang

**d.** Không có đội hình hàng ngang

**16.Tiểu đội hàng dọc có đội hình nào?**

**a.** 2 hàng dọc **b.** 3 hàng dọc **c.** 4 hàng dọc

**d.** Không có đội hình hàng dọc

**17.Đội hình nào phải thực hiện điểm số?**

**a.** Tiểu đội 1 hàng ngang

**b.** Tiểu đội 2 hàng ngang

**c.** Tiểu đội 2 hàng dọc

**d.** Trung đội 2 hàng dọc

**18.Chiến sĩ nào làm chuẩn khi giãn đội hình tiểu đội 1 hàng dọc?**

**a.** Chiến sĩ đứng đầu hàng (số 1)

**b.** Tiểu đội trưởng

**c.** Chiến sĩ đứng cuối hàng

**d.** Chiến sĩ đứng giữa hàng

**19.Đội hình tiểu đội nào không thực hiện điểm số?**

**a.** Tiểu đội 2 hàng ngang **b.** Tiểu đội 1 hàng ngang

**c.** Tiểu đội 1 hàng dọc

**d.** Trung đội 1 hàng dọc

**20.Trung đội hàng dọc không có đội hình nào?**

**a.** 4 hàng dọc **b.** 1 hàng dọc **c.** 2 hàng dọc **d.** 3 hàng dọc

**21.Trung đội có những đội hình nào?**

**a.** 3 hàng ngang; 3 hàng dọc

**b.** 1 hàng ngang; 2 hàng ngang; 4 hàng dọc

**c.** 4 hàng ngang; 3 hàng dọc; 1 hàng ngang **d.** 3 hàng dọc; 4 hàng dọc; 5 hàng dọc

**22.Chiến sĩ nào làm chuẩn khi giãn đội hình tiểu đội, trung đội hàng ngang?**

**a.** Tuỳ theo lệnh của chỉ huy, nhưng thường là người đứng đầu bên phải đội

hình

**b.** Tiểu đội trưởng luôn là người làm chuẩn

**c.** Trung đội trưởng phải là người làm chuẩn

**d.** Người có số thứ tự chẵn trong đội hình

**23.Cách điểm số của đội hình trung đội 3 hàng ngang như thế nào?**

**a.** Tiểu đội 1 điểm số, các tiểu đội khác báo cáo thừa, thiếu

**b.** Hết tiểu đội đến tiểu đội 2 điểm số

**c.** Điểm số từ 1 đến hết chiến sĩ trong trung đội

**d.** Không có tiểu đội nào điểm số

**24.Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng ngang có mấy bước?**

**a.** 4 bước **b.** 2 bước **c.** 3 bước **d.** 1 bước

**25.Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng ngang gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**26.Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng ngang có mấy bước?**

**a.** 3 bước **b.** 4 bước **c.** 2 bước **d.** 1 bước

**27.Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng ngang gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**28.Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng ngang có mấy bước?**

**a.** 4 bước

**b.** 2 bước

**c.** 3 bước

**d.** 1 bước

**29.Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng ngang gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**30.Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng dọc có mấy bước?**

**a.** 4 bước **b.** 2 bước **c.** 3 bước **d.** 1 bước

**31.Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng dọc gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**32.Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng dọc có mấy bước?**

**a.** 3 bước **b.** 4 bước **c.** 2 bước **d.** 1 bước

**33.Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng dọc gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**d.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**34.Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng dọc có mấy bước?**

**a.** 4 bước **b.** 2 bước **c.** 3 bước **d.** 1 bước

**35.Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng dọc gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**36.Tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang gồm những bước nào?**

**a.** Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán

**b.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán

**c.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán

**d.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ

**37.Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng ngang như thế nào?**

**a.** “Trung đội X thành 1 hàng ngang – Tập hợp”

**b.** “Toàn trung đội X, 1 hàng ngang- Tập hợp”

**c.** “Toàn trung đội X, thành 1 hàng ngang- Tập hợp”

**d.** “Trung đội X chú ý: thành 1 hàng ngang- tập hợp”

**38.Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng ngang như thế nào?**

**a.** “Trung đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”

**b.** “Toàn trung đội X, thành 2 hàng ngang – Tập hợp”

**c.** “Toàn trung đội X, 2 hàng ngang- Tập hợp”

**d.** “Trung đội X chú ý: thành 2 hàng ngang - Tập hợp”

**39.Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng dọc như thế nào?**

**a.** “Trung đội X thành 1 hàng dọc – Tập hợp”

**b.** “Toàn trung đội X, 1 hàng dọc – Tập hợp”

**c.** “Toàn trung đội X, thành 1 hàng dọc – Tập hợp”

**d.** “Trung đội X chú ý: thành 1 hàng dọc - Tập hợp”

**40.Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng dọc như thế nào?**

**a.** “Trung đội X thành 2 hàng dọc – Tập hợp”

**b.** “Toàn trung đội X, 2 hàng dọc – Tập hợp”

**c.** “Trung đội X chú ý: thành 2 hàng dọc – Tập hợp”

**d.** “Toàn trung đội X, thành 2 hàng dọc – Tập hợp”

**BÀI 5: PHÒNG TRÁNH BOM ĐẠN VÀ THIÊN TAI**

*A. PHẦ N LÝ THUYẾ T*

I. Bom, đạn và cách phòng tránh

**1. Đặc điểm, tác hại của một số loại bom, đạn**

**a. Tên lửa hành trình:**

Đây là các loại tên lửa được phóng đi từ trên đất liền, trên tàu nổi, tàu ngầm hoặc trên máy bay, được điều khiển bằng nhiều phương pháp, theo chương trình tính sẵn đến mục tiêu đã định.

Dùng để đánh các mục tiêu cố định như nhà ga, nhà máy điện, cầu lớn, cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, các thành phố lớn, nơi tập trung đông dân cư.

**b. Bom có điều khiển:** Là loại bom thường được lắp thêm bộ phận điều khiển có khả năng bám mục tiêu và điều khiển quỹ đạo bay để tiêu diệt mục tiêu với độ chính xác cao sai số trúng đích là 5-10m

**2. Một số biện pháp phòng tránh thông thường**

**a. Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động:**

Nhằm phát hiện các hoạt động đánh phá của máy bay địch để kịp thời thông báo,

báo động cho nhân dân phòng tránh.

**b. Ngụy trang, giữ bí mật chống trinh sát của địch**

Nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ bí mật mục tiêu và các khu sơ tán.

Nguỵ trang kết hợp nghi binh đánh lừa không để lộ mục tiêu, chống trinh sát của

địch.

**c. Làm hầm, hố phòng tránh**

Để phòng tránh tác hại của bom đạn địch

Khi có báo động, mọi người không có nhiệm vụ cần nhanh chóng xuống hầm trú

ẩn.

Khi nghe bom rít mà không kịp xuống hầm thì phải che tay dưới ngực, miệng

hơi há để giảm bớt sức ép của bom đạn.

**d. Sơ tán, phân tán các nơi tập trung đông dân cư, các khu công nghiệp, khu chế xuất, tránh tụ họp đông người**

Nhằm giảm bớt tới mức thấp nhất thiệt hại do bom đạn địch gây ra

Khi có chỉ thị sơ tán, mọi người cần tích cực tự giác tham gia, cũng như tuyên truyền vận động nhân dân thực hành sơ tán theo qui định của chính quyền địa phương.

**e. Đánh trả**

Việc đánh trả tiến công bằng đường không của địch là góp phần rất lớn trong

phòng tránh bom, đạn và do lực lượng vũ trang đảm nhiệm.

Để duy trì cho lực lượng chiến đấu được liên tục lâu dài, công tác bảo đảm, phục vụ chiến đấu phải được toàn dân tham gia, tuỳ theo khả năng và điều kiện của mỗi

người.

**g. Khắc phục hậu quả**

Tổ chức cứu thương, cứu hoả, cứu hộ

Chôn cất người chết, phòng chống dịch bệnh, làm vệ sinh môi trường, giúp đỡ gia đình có người bị nạn, ổn định đời sống.

Khôi phục sản xuất, sinh hoạt bình thường.

II. Thiên tai, tác hại của chúng và cách phòng tránh

**1. Các loại thiên tai chủ yếu ở Việt Nam**

**Bão:** Nước ta nằm ở khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương, là một trong những vùng bão với số lượng lớn và cường độ mạnh với xu thế ngày càng gia tăng.

**Lũ lụt**: Lũ lụt thường diễn ra vào mùa mưa ở nước ta. Ở mỗi khu vực khác nhau, mức độ lũ cũng khác nhau.

Lũ quét, lũ bùn đá: Thường xảy ra ở vùng đồi núi, nơi có độ dốc lớn, cường độ mưa lớn mà đường thoát nước bất lợi. Lũ quét xảy ra thường bất ngờ trong phạm vi hẹp nhưng khốc liệt, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của.

**Ngập úng**: Ngập úng do mưa lớn gây ra, tuy ít gây tổn thất về người, nhưng ảnh

hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và môi trường sinh thái.

**Hạn hán và sa mạc hóa**: Là loại thiên tai đứng thứ 3 về mức độ thiệt hại sau bão, lũ. Hạn hán kéo dài sẽ dẫn đến nguy cơ sa mạc hoá ở một số vùng, đặc biệt là vùng Nam Trung Bộ

**2. Tác hại của thiên tai**

Là tác nhân trực tiếp cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.

Gây ô nhiễm môi trường, phát sinh dịch bệnh, tác động xấu đến sản xuất và đời sống cộng đồng.

Gây hậu quả đối với quốc phòng - an ninh, làm suy giảm nguồn dự trữ quốc gia, là tác nhân gây ra sự mất ổn định đời sống và trật tự xã hội.

**3. Một số biện pháp phòng chống và giảm nhẹ thiên tai**

Chấp hành nghiêm các văn bản pháp luật về công tác phòng, chống và giảm nhẹ

thiên tai.

Tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến phòng chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai như chương trình trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn…

Nghiên cưú và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

Hợp tác quốc tế về cảnh báo, dự báo thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

Đẩy mạnh công tác cứu hộ cứu nạn

Công tác cứu trợ khắc phục hậu quả kịp thời.

Nâng cao công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai…

*CỦ NG CỐ THEO SGK:*

**Câu 1: Trang 71 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu tác hại của một số loại bom, đạn?**

**TRẢ L Ờ I:**

**Tác hại của một số loại bom, đạn:**

• Gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về người và của.

• Gây nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống của người dân, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội

• Hủy hoại môi trường sống

• Để lại những di chứng cho các thế hệ kế tiếp

**Câu 2: Trang 71 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu một số biện pháp phòng tránh**

**bom, đạn thông thường**

**TRẢ LỜI :**

**Một số biện pháp phòng tránh bom, đạn thông thường:**

• ***Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động*:** Nhằm phát hiện các hoạt động đánh phá của máy bay địch để kịp thời thông báo, báo động cho nhân dân phòng tránh.

• ***Ngụy trang, giữ bí mật chống trinh sát của địch:*** Nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ bí mật mục tiêu và các khu sơ tán. Nguỵ trang kết hợp nghi binh đánh lừa không để lộ mục tiêu, chống trinh sát của địch.

• ***Làm hầm, hố phòng tránh:*** Để phòng tránh tác hại của bom đạn địch. Khi có báo động, mọi người không có nhiệm vụ cần nhanh chóng xuống hầm trú ẩn. Khi nghe bom rít mà không kịp xuống hầm thì phải che tay dưới ngực, miệng hơi há để giảm bớt sức ép của bom đạn.

• ***Sơ tán, phân tán các nơi tập trung đông dân cư, các khu công nghiệp, khu chế xuất, tránh tụ họp đông người:*** Nhằm giảm bớt tới mức thấp nhất thiệt hại do bom đạn địch gây ra. Khi có chỉ thị sơ tán, mọi người cần tích cực tự giác tham gia, cũng như tuyên truyền vận động nhân dân thực hành sơ tán theo qui định của chính quyền địa phương.

• ***Đánh trả:*** Việc đánh trả tiến công bằng đường không của địch là góp phần rất lớn trong phòng tránh bom, đạn và do lực lượng vũ trang đảm nhiệm. Để duy trì cho lực lượng chiến đấu được liên tục lâu dài, công tác bảo đảm, phục vụ chiến đấu phải được toàn dân tham gia, tuỳ theo khả năng và điều kiện của mỗi người.

• ***Khắc phục hậu quả:*** Tổ chức cứu thương, cứu hoả, cứu hộ. Chôn cất người chết, phòng chống dịch bệnh, làm vệ sinh môi trường, giúp đỡ gia đình có người bị nạn, ổn định đời sống....

**Câu 3: Trang 71 sgk GDQP-AN lớp 10: Nếu một số loại thiên tai ở VN và tác hại của chúng ?.**

**Trả l ời :**

**Một số loại thiên tai ở VN:**

• Bão

• Lũ lụt

• Lũ quét và bùn đá

• Ngập úng

• Hạn hán và sa mạc hóa

**Tác hại của thiên tai:**

• Là tác nhân trực tiếp cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.

• Gây ô nhiễm môi trường, phát sinh dịch bệnh, tác động xấu đến sản xuất và đời sống cộng đồng.

• Gây hậu quả đối với quốc phòng - an ninh, làm suy giảm nguồn dự trữ quốc gia, là tác nhân gây ra sự mất ổn định đời sống và trật tự xã hội.

**Câu 4: Trang 71 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu các biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai**

**Trả lời:**

**Một số biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai:**

• Ý thức chấp hành nghiêm các văn bản pháp luật về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

• Tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến phòng chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai như chương trình trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn…

• Nghiên cưú và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

• Hợp tác quốc tế về cảnh báo, dự báo thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

• Đẩy mạnh công tác cứu hộ cứu nạn

• Công tác cứu trợ khắc phục hậu quả kịp thời.

• Nâng cao công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai…

**Câu 5: Trang 71 sgk GDQP-AN lớp 10: Trách nhiệm của học sinh đối với việc phòng tránh bom, đạn và thiên tai**

**Trả lời:**

**Trách nhiệm của học sinh đối với việc phòng tránh bom, đạn và thiên tai là:**

Đối với việc phòng tránh bom, đạn:

• Tìm hiểu kiến thức về bom, đạn để mở rộng vốn hiểu biết

• Khi phát hiện bom đạn báo ngay cho người có trách nhiệm

• Chấp hành các văn bản pháp luật về bom đạn và thiên tai. Đối với việc phòng tránh thiên tai:

• Có ý thức bảo vệ môi trường, trồng cây, vệ sinh

• Giúp đỡ nhân dân khắc phục hậu quả

• Tuyên truyền mọi người có ý thức bảo vệ môi trường, thiện nhiên để hạn chế

thiên tai.

*C. CÂ U HỎI TR ẮC NG HIỆ M*

**1. Phòng chống bom, đạn và thiên tai của dân tộc Việt Nam luôn được coi là cuộc đấu tranh gì?**

**a.** Sinh tồn, gắn với đấu tranh dựng nước và giữ nước

**b.** Dựng nước và giữ nước

**c.** Một mất một còn trong giữ nước

**d.** Dựng nước của dân tộc

**2. Hiểu biết về một số loại bom, đạn và thiên tai để làm gì ?**

**a.** Để phòng tránh, giảm nhẹ hoặc loại trừ thiệt hại do chúng gây ra

**b.** Khắc phục triệt để mọi sự cố thiên tai, các loại bom, đạn gây ra

**c.** Kịp thời chủ động để xử lí mọi sự cố do bom, đạn để lại

**d.** Chủ động để xử lí mọi tình huống khi bão lụt xảy ra

**3. Thiệt hại nào sau đây không phải do bom, đạn địch gây ra?**

**a.** Lũ lụt lớn, sạt lở núi và lũ quét đã phá hủy đường giao thông **b.** Chất cháy Na pan làm cháy rừng trên một diện tích rộng lớn **c.** Chất độc hóa học đã hủy diệt môi trường sống của con người

**d.** Vũ khí chính xác gây nhiều thiệt hại về người và của cho đối phương

**4. Tên lửa hành trình của địch chủ yếu đánh những mục tiêu nào ?**

**a.** Đánh vào mục tiêu cố định, nơi tập trung dân cư

**b.** Các mục tiêu có khả năng cơ động lớn của đối phương **c.** Loại mục tiêu thường xuyên xuất hiện của đối phương **d.** Mục tiêu về kinh tế của đối phương

**5. Loại bom, đạn nào sau đây không có điều khiển?**

**a.** Đạn K56

**b.** Bom CBU – 24 **c.** Bom CBU – 55 **d.** Bom GBU – 17

**6. Tác dụng chủ yếu của bom, đạn hóa học chứa khí độc là gì ?**

**a.** Để sát thương sinh lực đối phương

**b.** Làm thay đổi môi trường sống của đối phương

**c.** Phá hoại các loại vũ khí của đối phương

**d.** Làm nhiễm độc nguồn nước của đối phương

**7. Loại bom, đạn nào sau đây không phải loại có điều khiển ?**

**a.** Đạn vạch đường

**b.** Bom mềm

**c.** Bom điện từ

**d.** Bom từ trường

**8. Nội dung cụ thể của các biện pháp phòng tránh bom, đạn của địch không**

**có một trong các nội dung sau?**

**a.** Nên hoạt động ở nơi ít bom đạn

**b.** Phải tổ chức trinh sát kịp thời

**c.** Ngụy trang, giữ bí mật chống trinh sát của địch

**d.** Phải thông báo, báo động kịp thời

**9. Muốn ngụy trang, giữ bí mật tốt để chống trinh sát của địch phải làm gì?**

**a.** Giữ vững bí mật mục tiêu

**b.** Phải cố gắng giữ mục tiêu khi địch trinh sát

**c.** Không sử dụng vũ khí khi địch tiến công

**d.** Đấu tranh với địch phải giữ bí mật

**10.Muốn ngụy trang tốt để phòng tránh bom, đạn của địch phải làm gì?**

**a.** Ngụy trang kết hợp nghi binh đánh lừa

**b.** Đánh trả địch hiệu quả

**c.** Chuẩn bị tốt tinh thần

**d.** Không chủ quan coi thường địch

**11.Muốn ngụy trang tốt để phòng tránh bom, đạn của địch phải làm gì?**

**a.** Đào hầm, hố, giao thông hào để ẩn nấp

**b.** Tăng cường số lượng vũ khí cho lực lượng vũ trang

**c.** Tăng cường sức mạnh quân sự của đất nước

**d.** Xây dựng lực lượng quân đội mạnh

**12.Trong chiến tranh, địch thường dùng loại bom, đạn nào để phá hủy hệ thống điện của ta?**

**a.** Bom điện từ

**b.** Thủy lôi từ trường **c.** Tên lửa hành trình **d.** Bom từ trường

**13.Dùng tay che dưới ngực, miệng hơi há ra khi nghe tiếng rít của bom có tác dụng gì?**

**a.** Để giảm sức ép của bom, đạn

**b.** Giảm tối đa diện tích của cơ thể, hạn chế thương vong

**c.** Tăng cường hô hấp nhằm chống ngạt thở

**d.** Để bảo vệ nơi quan trọng nhất của cơ thể

**14.Một nội dung biện pháp phòng tránh bom, đạn của địch là gì?**

**a.** Sơ tán, phân tán các nơi tập trung dân cư

**b.** Khẩn trương sơ tán khi có bom đạn

**c.** Ngụy trang thân thể kín đáo

**d.** Tập trung vào nơi an toàn nhất có lực lượng bảo vệ

**15.Lực lượng nào đảm nhiệm chủ yếu việc đánh trả kịp thời để hạn chế tác hại của bom, đạn địch?**

**a.** Lực lượng vũ trang đánh trả

**b.** Lực lượng dân quân đánh trả là chủ yếu **c.** Lực lượng thanh niên xung kích đánh trả **d.** Lực lượng không quân đánh trả

**16.Khắc phục hiệu quả, kịp thời khi có tình huống bom, đạn địch gây ra có tác dụng gì ?**

**a.** Hạn chế mức thấp thiệt hại do bom, đạn địch gây ra

**b.** Để cứu người được nhanh chóng

**c.** Làm mất ý chí chiến đấu của địch

**d.** Làm địch mất lòng tin vào vũ khí của chúng

**17.Để khắc phục hiệu quả, kịp thời khi có tình huống bom, đạn địch gây ra cần lưu ý gì ?**

**a.** Tự cứu là chính, nhanh chóng báo cho đội cấp cứu

**b.** Nhanh chóng rời khỏi nơi xảy ra tình huống đó

**c.** Phải cứu người trước, cứu mình sau

**d.** Dứt khoát phải có lực lượng y tế để cứu người

**18.Để khắc phục hiệu quả, kịp thời khi bom, đạn địch gây cháy cần lưu ý gì ?**

**a.** Phải cứu người trước

**b.** Sơ tán vật dễ cháy trước

**c.** Ưu tiên cho dập cháy trước

**d.** Cách li khu vực cháy không cho lan rộng trước

**19.Hàng năm, ở Việt Nam thường gặp các loại thiên tai nào?**

**a.** Bão, lũ lụt, lũ quét, ngập úng

**b.** Động đất, lũ lụt, bão xoáy, cháy nổ

**c.** Giông, tố, lở núi, lũ lụt, bão tuyết

**d.** Mưa đá, mưa a xít, lốc, tố, lũ lụt, hạn hán

**20.Ở Việt Nam, bão xảy ra khi có triều cường thường kèm theo hiện tượng tự**

**nhiên nào?**

**a.** Nước biển dâng cao kèm theo mưa lớn và lũ lụt

**b.** Độ ẩm cao, kèm theo mưa đá, giông tố

**c.** Xảy ra lốc xoáy, kèm theo tố, lốc

**d.** Gây ra thời tiết bất thường, xuất hiện lũ quét

**21.Hàng năm ở Việt Nam, lũ các sông thuộc khu vực Bắc Bộ thường xuất hiện như thế nào?**

**a.** Sớm hơn so với các vùng khác trên cả nước **b.** Muộn hơn so với các vùng khác trên cả nước **c.** Về cơ bản như các vùng khác trên cả nước

**d.** Tương tự như khu vực Miền Trung

**22.Nguyên nhân nào làm cho lũ các sông khu vực Miền Trung nước ta lên nhanh, xuống nhanh?**

**a.** Vì sông ngắn và có độ dốc lớn

**b.** Lượng mưa trong khu vực lớn

**c.** Do có nhiều sông cùng đổ ra một cửa biển

**d.** Các sông và cửa sông quá hẹp

**23.Ở nước ta, lũ hàng năm của các sông ở Miền Đông Nam Bộ có đặc điểm**

**gì?**

**a.** Không lớn nhưng thời gian kéo dài

**b.** Lớn nhưng thời gian tồn tại ngắn

**c.** Tương đối lớn nhưng thời gian kéo dài

**d.** Xuất hiện sớm kết hợp với triều cường

**24.Ở Việt Nam, lũ quét thường xảy ra ở khu vực nào?**

**a.** Ở địa hình rừng núi, độ dốc lớn, cường độ mưa lớn

**b.** Khu vực Miền Trung mưa nhiều

**c.** Nơi nền đất yếu khi có mưa lớn

**d.** Khu vực có động đất nhẹ và mưa nhiều

**25.Ở nước ta, nhân dân khu vực nào đã biết cách sống chung với lũ?**

**a.** Đồng bằng sông Cửu long

**b.** Đồng bằng Bắc Bộ

**c.** Bờ biển có triều cường

**d.** Rừng ngập mặn, chua phèn

**26.Sự xuất hiện và tác hại của lũ quét như thế nào?**

**a.** Thường bất ngờ, phạm vi hẹp, nhưng gây hậu quả nghiêm trọng người và của

**b.** Thường có dấu hiệu báo trước, gây hậu quả chủ yếu cho cây trồng

**c.** Trong phạm vi rộng, gây hậu quả chủ yếu cho nông nghiệp

**d.** Thường bất ngờ, nhưng gây hậu quả ít nghiêm trọng cho người

**27.Khi phát hiện thấy bom, đạn của địch để lại, mỗi người cần phải làm gì ?**

**a.** Đánh dấu, để nguyên tại chỗ và báo ngay cho người có trách nhiệm

**b.** Lập tức đứng ra xa, đồng thời dùng lửa đốt

**c.** Cùng mọi người khiêng, vác ra khỏi nơi nguy hiểm, tránh gây nổ

**d.** Tại thời điểm đó, tự bản thân phải có trách nhiệm xử lí

**28.Về thời gian xuất hiện lũ các sông của Việt Nam hàng năm, số liệu nào sau đây không đúng?**

**a.** Khu vực Bắc Bộ từ tháng 9 đến tháng 12.

**b.** Thanh Hóa đến Hà Tĩnh từ tháng 6 đến tháng 10.

**c.** Quảng Bình đến Bình Thuận từ tháng 9 đến tháng 12.

**d.** Huế đến Bình Thuận từ tháng 9 đến tháng 12.

**29.Một trong những nội dung biện pháp phòng chống thiên tai, lũ lụt là gì?**

**a.** Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và rừng ngập mặn

**b.** Giao đất, giao rừng cho dân ở những khu vực trọng điểm

**c.** Tăng cường công tác quản lí nhà nước trên các lĩnh vực xã hội

**d.** Nắm được tình hình bão, lũ lụt để chủ động phòng chống hiệu quả

**30.Ở Việt Nam, hàng năm lũ các sông ở đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện như thế nào?**

**a.** Kéo dài 4 - 5 tháng, ngập hầu hết toàn bộ vùng

**b.** Tồn tại 2 - 3 tháng, ngập từng vùng

**c.** Thời gian ngắn dưới 2 tháng, nhưng ngập hết vùng

**d.** Có năm kéo dài 1- 2 tháng, có năm không xẩy ra

**31.Muốn ngụy trang, giữ bí mật tốt để chống trinh sát của địch phải làm gì?**

**a.** Ngụy trang kết hợp nghi binh, không để lộ mục tiêu

**b.** Tốt nhất, hiệu quả nhất là người và vũ khí không làm việc **c.** Để lộ thật nhiều mục tiêu làm nhiễu loạn trinh sát của địch **d.** Xây dựng nhiều địa đạo, hang động để che giấu vũ khí

**32.Khi Napan cháy bám lên quần áo, cần phải xử lí thế nào ?**

**a.** Nhanh chóng cởi bỏ quần áo và dập bằng chăn ướt

**b.** Nhanh chóng vượt ra ngoài ngược với hướng gió **c.** Nhanh chóng vượt ra ngoài cùng với hướng gió **d.** Dùng tay phủi ngay để dập tăt đám cháy

**33.Khi có phốt pho cháy bám vào cơ thể, cần phải xử lí thế nào?**

**a.** Dùng ngay phèn xanh (Sunphát đồng) để dập cháy

**b.** Dùng ngay nước đá để dập cháy

**c.** Dùng ngay bọt khí để hạn chế sự cháy

**d.** Dùng tay chà sát mạnh để dập cháy

**34.Tại sao bom từ trường chủ yếu dùng để đánh phá đường giao thông?**

**a.** Vì khi có sắt thép đi qua, ngòi nổ cảm nhận tín hiệu điện gây nổ

**b.** Tạo từ trường mạnh làm tê liệt thần kinh đối phương

**c.** Nó sẽ làm hỏng hệ thống điện của xe cơ giới đi qua,

**d.** Vì mọi vật đi qua đều tác động tới tín hiệu điện gây nổ

**35.Hỗn hợp nhôm, phốt pho được sử dụng làm gì trong quân sự ?**

**a.** Sử dụng làm chất cháy nhồi trong bom cháy

**b.** Làm chất tạo khói trong bom cháy

**c.** Làm thuốc mồi dẫn cháy trong bom cháy

**d.** Là chất xúc tác trong bom cháy

**36.Dùng phương tiện, vật chất gì để khắc phục hiệu quả, kịp thời khi bom, đạn Na pan, bom xăng của địch gây cháy?**

**a.** Cát, bọt khí, bao tải nhúng nước

**b.** Nước, quạt gió tốc độ mạnh

**c.** Bằng mọi cách làm cho cháy nhanh, kết thúc sự cháy

**d.** Dùng cát là giải pháp duy nhất hạn chế sự cháy

**37.Tại sao thường dùng cát để dập tắt dám cháy khi bom Na pan, bom xăng của địch gây cháy?**

**a.** Nhanh chóng lấp đầy và kín khu vực cháy

**b.** Cát sẽ ngấm hết hỗn hợp chất cháy làm tắt đám cháy

**c.** Để ngăn nguồn ô xy cung cấp cho sự cháy

**d.** Cát vừa rẻ, vừa có khả năng phản ứng với mọi hỗn hợp cháy

*Trang - 77 -*

**BÀI 6: PHÒNG CHỐNG CÁC TAI NẠ THÔNG THƯỜNG VÀ BĂNG BÓ VẾT THƯƠNG**

*A. LÝ THUYẾ T*

**I. Cấp cứu ban đầu các tai nạn thông thường**

**1. Bong gân:** Băng ép, chườm đá, bất động chi, trường hợp nặng chuyển ngay đến các cơ sở y tế để cứu chữa.

**2. Sai khớp:** Bất động khớp bị sai ở nguyên tư thế sai lệch.Chuyển ngay nạn nhân đến cơ sở y tế để cứu chữa.

**3. Ngất**

- Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn tại nơi thoáng khí, yên tĩnh, tránh tập trung đông

người, kê gối dưới vai cho đầu hơi ngửa ra sau, nới lỏng quần áo, khơi thông

đường thở.

- Xoa bóp trên cơ thể, tát vào má, giật tóc mai.

- Trường hợp chưa tỉnh, phải kiểm tra phát hiện dấu hiệu ngừng thở, ngừng tim

sau đó ép tim ngoài lồng ngực.

**4. Điện giật:** Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện, kiểm tra tổn thương, làm hô hấp nhân tạo và chuyển tới bệnh viện.

**5. Ngộ độc thực ăn:** Gây nôn, chống mất nước, chống truỵ tim mạch, hạ sốt, an thần và chuyển tuyến trên.

**6. Chết đuối:** Vớt nạn nhân lên bờ; dốc nước; móc đất, bùn, đờm giải ra khỏi miệng;

hô hấp nhân tạo; chuyển đến bệnh viện.

**7. Say sóng, say nắng:** Đặt nạn nhân vào nơi thoáng mát, nới lỏng quần áo, làm mát, khi tỉnh thì cho uống nước chanh đường hoặc nước orezol.

**8. Nhiễm độc lân hữu cơ**

- Loại bỏ nguyên nhân bằng mọi biện pháp (gây nôn, rửa nước muối, xà phòng,

nước vôi trong).

- Dùng thuốc giải độc đặc hiệu, trợ tim, trợ sức.

**II. Băng vết thương**

**1. Mục đích**

Bảo vệ cho vết thương khỏi bị ô nhiễm

Cầm máu tại vết thương

Giảm đau đớn cho nạn nhân

**2. Nguyên tắc băng**

- Băng kín, băng hết các vết thương

- Băng chắc (đủ độ chặt)

- Băng sớm, băng nhanh

**3. Các loại băng**

- Có nhiều loại băng được sử sụng để băng vết thương như băng cuộn, băng cá nhân, băng tam giác, băng bốn dải…

**4. Kĩ thuật băng vết thương**

a. Các loại băng cơ bản

- Băng vòng xoắn

- Băng số 8

b. Áp dụng cụ thể các kiểu băng

- Băng các đoạn chỉ

- Băng vai, nách

- Băng vùng khoeo, nếp khuỷu

- Băng vùng đầu, mặt, cổ

*B. CỦ NG CỐ THEO SGK:*

**Câu 1: Trang 90 sgk GDQP-AN lớp 10: Phân biệt triệu chứng bong gân và sai khớp. Nêu các biện pháp cấp cứu ban đầu bong gân?**

**TRẢ L ỜI**

**Triệu chứng của bong gân và sai khớp là:**

- Bong gân: Đau, sưng, ổ khớp lỏng lẻo, chi vận động khó.

- Sai khớp: Sưng, đau, mất vận động, khớp và chi biến dạng:

o Đau dữ dội, liên tục nhất là lúc đụng vào khớp hay lúc nạn nhân cử động.

o Mất vận động hoàn toàn, không gấp, duỗi được.

o Khớp biến dạng, đầu xương lồi ra, có thể sờ thấy ở dưới da…

**Các biện pháp cấp cứu ban đầu bong gân:**

Băng ép, chườm đá, bất động chi, trường hợp nặng chuyển ngay đến các cơ sở y tế để cứu chữa.

**Câu 2: Trang 90 sgk GDQP-AN lớp 10: Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, cấp cứu ban đầu và các biện pháp để phòng bị ngất?**

**TRẢ LỜI:**

**Nguyên nhân:** Cảm xúc quá mạnh, chấn thương nặng, mất máu nhiều, ngạt, người có bệnh tim, say sóng, say nắng...

**Triệu chứng:**

Nạn nhân tự nhiên thấy bồn chồn, khó chịu, mặt tái, mắt tối dần, chóng mặt, ù tai, ngã khuỵu xuống bất tỉnh.

Toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da tái xanh. Phổi có thể ngừng thở hoặc thở rất yếu.

Tim có thể ngừng đập hoặc đập rất yếu, huyết áp hạ.

Thường thì nạn nhân ngừng thở trước rồi ngừng tim sau.

**Cấp cứu ban đầu:**

Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn tại nơi thoáng khí, yên tĩnh, tránh tập trung đông

người, kê gối dưới vai cho đầu hơi ngửa ra sau, nới lỏng quần áo, khơi thông đường thở.

Xoa bóp trên cơ thể, tát vào má, giật tóc mai.

Trường hợp chưa tỉnh, phải kiểm tra phát hiện dấu hiệu ngừng thở, ngừng tim

sau đó ép tim ngoài lồng ngực.

**Biện pháp đề phòng:**

Bảo đảm an toàn, làm việc hợp lí,

Rèn luyện sức khoẻ một cách khoa học.

**Câu 3: Trang 90 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu các biện pháp đề phòng và cấp cứu**

**ban đầu khi bị điện giật? TRẢ LỜI :**

**Cấp cứu ban đầu:** Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện, kiểm tra tổn thương, làm hô hấp nhân tạo và chuyển tới bệnh viện.

**Biện pháp đề phòng:** Chấp hành quy định sử dụng điện, bảo đảm an toàn khi sử dụng điện.

**Câu 4: Trang 90 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu các biện pháp đề phòng và cấp cứu**

**ban đầu khi bị chết đuối? Trả lờ i:**

**Cấp cứu ban đầu:** Vớt nạn nhân lên bờ; thực hiện các biện pháp để nức trong dạ dày, trong phổi ra ngoài (dốc nước); móc đất, bùn, đờm giải ra khỏi miệng; hô hấp nhân tạo; chuyển đến bệnh viện.

**Biện pháp đề phòng:** chấp hành nghiêm các quy định an toàn đường thuỷ, và khi làm việc dưới nước; tập bơi, quản lí tốt trẻ em.

**Câu 5: Trang 90 sgk GDQP-AN lớp 10: Trình bày mục đích, nguyên tắc**

**băng vết thương**

**Trả lờ i:**

**Mục đích của băng vết thương:**

Giúp ngăn cản, hạn chế vi khuẩn từ môi trường xung quanh xâm nhập vào vết

thương, góp phần làm cho vết thương mau lành.

Cầm máu tại vết thương, hạn chế mất máu, góp phần tạo cho cơ thể chóng hồi phục.

Chống được sự cọ xát, va quệt gây đau đớn, làm cho vết viết được yên tĩnh.

**Nguyên tắc băng vết thương:**

Băng kín, băng hết các vết thương: Băng đúng chỗ, không bỏ sót vết thương

Băng chắc: Băng đủ chặt để bảo vệ vết thương, vừa cầm máu. Lưu ý trước khi

băng phải cởi, xắn quần, áo để lộ vết thương, dùng băng đã diệt khuẩn để băng.

Băng sớm, băng nhanh: Phải băng ngay sau khi bị thương, băng càng sớm càng hạn chế được sự ô nhiễm và mất máu tại vết thương.

**Câu 6: Trang 90 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu các loại băng và kĩ thuật các kiểu**

**băng cơ bản**

**Trả lời:**

**Các loại băng:**

• Băng cá nhân: Là băng đã được tiệt trừng, có sẵn gạc bông và băng. Ngoài cùng là lớp vải cao su hoặc nhựa tổng hợp để bảo vệ cho băng không thấm nước và nhiễm khuẩn.

• Băng cuộn: Là loại băng làm bằng vải xô mềm hoặc vải mỏng mềm. Kích thước rộng 6 - 8cm, dài 4 -5m.

• Băng tam giác: Là loại băng có hình tam giác có đính ba dải ở ba góc. Loại băng này có thể băng nhanh, băng được nhiều bộ phận cơ thể, nhưng cầm máu kém.

**Kĩ thuật băng:**

*Các kiểu băng cơ bản:* Băng vòng xoắn và băng số 8

*Áp dụng cụ thể các kiểu băng:*

• Băng các đoạn chi: Băng cánh tay, cẳng tay, đùi, cẳng chân thường vận dụng kiểu băng vòng xoắn hoặc băng số 8.

• Băng vai, nách: Vận dụng kiểu băng số 8

• Băng vùng gối - gót chân - vùng khuỷu: Vận dụng kiểu băng số 8

• Băng vùng khoeo, nếp khuỷu: Vận dụng kiểu băng số 8

• Băng vùng đầu, mặt cổ:

o Băng trán: Vận dụng kiểu băng vòng tròn hình vành khăn

o Băng một bên mắt: Vận dụng kiểu băng số 8

o Băng đầu kiểu quai mũ:Vận dụng kiểu băng số 8

*CÂU HỎ I TRẮ C NGHIỆ M*

**1. Cấp cứu ban đầu các tai nạn, thương tích là**

**a.** Điều kiện tiên quyết cho việc điều trị tốt ở các cơ sở y tế

**b.** Không cần thiết mà phải chuyến ngay nạn nhân đến các cơ sở y tế **c.** Rất quan trọng mà không phải chuyển nạn nhân đến các cơ sở y tế **d.** Không quan trọng chỉ làm chậm thời gian dến các cơ sở y tế

**2. Bong gân là:**

**a.** Tổn thương dây chằng xung quanh khớp do chấn thương

**b.** Tổn thương đầu xương ở các khớp do chấn thương

**c.** Tổn thương các sụn khớp do chấn thương

**d.** Di lệch các đầu xương ở khớp do chấn thương

**3. Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của bong gân?**

**a.** Chi ở tư thế không bình thường, dài ra hoặc ngắn lại

**b.** Đau nhức nơi tổn thương

**c.** Sưng nề, có thể có bầm tím dưới da do chảy máu

**d.** Vận động khó khăn, đau nhức

**4. Các khớp nào thường bị bong gân?**

**a.** Khớp cổ chân, khớp ngón chân cái, khớp gối, khớp cổ tay

**b.** Khớp vai, khớp khuỷu, khớp háng

**c.** Khớp háng, khớp ngón chân, khớp ngón tay

**d.** Khớp khuỷu, khớp bàn tay, khớp bàn chân, khớp ngón tay cái

**5. Nội dung nào sau đây không đúng với nội dung cấp cứu ban đầu bong gân?**

**a.** Xoa bóp vùng khớp bong gân bằng các loại dầu xoa bóp

**b.** Băng nhẹ chống sưng nề, giảm chảy máu và góp phần cố định khớp

**c.** Chườm lạnh bằng túi chườm hoặc bọc nước đá áp vào vùng khớp

**d.** Bất động chi bong gân, cố định tạm thời bằng các phương tiện

**6. Sai khớp là:**

**a.** Sự di lệch các đầu xương ở khớp một phần hay hoàn toàn do chấn thương

**b.** Tổn thương dây chằng xung quanh khớp do chấn thương

**c.** Tổn thương đầu xương ở các khớp do chấn thương

**d.** Tổn thương các sụn khớp do chấn thương

**7. Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của sai khớp?**

**a.** Tại khớp tổn thương rất lỏng lẻo mà bình thường không có tình trạng đó **b.** Đau dữ dội, liên tục, nhất là khi đụng vào khớp hoặc lúc nạn nhân cử động **c.** Mất vận động hoàn toàn, không gấp duỗi được

**d.** Chi ở tư thế không bình thường, dài ra hoặc ngắn lại

**8. Nội dung nào sau đây không đúng nội dung cấp cứu ban đầu sai khớp?**

**a.** Nhanh chóng nắn chỉnh khớp về tư thế bình thường

**b.** Bất động khớp bị sai

**c.** Giữ nguyên tư thế sai khớp

**d.** Chuyến ngay nạn nhân đến cơ sở y tế

**9. Hôn mê khác ngất ở điểm nào?**

**a.** Tim, phổi và hệ bài tiết vẫn còn hoạt động

**b.** Nạn nhân mất tri giác, cảm giác

**c.** Nạn nhân mất khả năng vận động

**d.** Tim, phổi và hệ bài tiết ngừng hoạt động

**10.Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của ngất?**

**a.** Thường ngừng tim trước rồi ngừng thở sau

**b.** Bồn chồn, khó chịu, mặt tái, mắt tối dần

**c.** Chóng mặt, ù tai, ngã khuỵu xuống, bất tỉnh

**d.** Toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da tái xanh

**11.Cấp cứu ban đầu nạn nhân bị ngất, động tác xử trí nào sau đây sai?**

**a.** Không cần cấp cứu ban đầu mà nhanh chóng chuyến nạn nhân đến cơ sở y tế

**b.** Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn tại nơi thoáng mái, kê gối dưới vai **c.** Lau chùi đất cát, đờm dãi ở mũi miệng để khai thông đường thở **d.** Cởi cúc áo, quần, nới dây lưng để máu dễ lưu thông

**12.Khi có 2 người, kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngất như thế nào?**

**a.** Thổi ngạt 1 lần, ép tim 5 lần **b.** Thổi ngạt 2 lần, ép tim 5 lần **c.** Thổi ngạt 1 lần, ép tim 10 lần **d.** Thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần

**13.Cấp cứu ban đầu người bị điện giật, cách xử trí nào sau đây sai?**

**a.** Bằng tay không, nhanh chóng cầm tay, chân nạn nhân kéo ra ngoài .

**b.** Nhanh chóng cắt cầu dao, bỏ cầu chì

**c.** Dùng sào tre, gỗ khô đẩy dây điện ra khỏi người bị nạn

**d.** Cầm tay, chân nạn nhân kéo ra, người cấp cứu phải đi dày dép khô và dùng vật cách điện lót tay

**14.Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của điện giật?**

**a.** Toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da xanh tái

**b.** Có thể tim ngừng đập, ngừng thở và gây tử vong nếu không cấp cứu kịp thời

**c.** Gây bỏng, có thể bỏng rất sâu, đặc biệt do điện cao thế

**d.** Gãy xương, sai khớp và tổn thương các phủ tạng do ngã

**15.Ngộ độc thực phẩm không phải do nguyên nhân nào?**

**a.** Ăn thực phẩm đông lạnh, thực phẩm chế biến sẵn

**b.** Ăn phải nguồn thực phẩm đã bị nhiễm khuẩn

**c.** Ăn phải nguồn thực phẩm có chứa sẵn chất độc

**d.** Ăn một số thực phẩm dễ gây dị ứng, tùy thuộc cơ địa từng người

**16.Ngộ độc thức ăn không có hội chứng nào sau đây?**

**a.** Hội chứng não, màng não

**b.** Hội chứng nhiễm khuẩn nhiễm độc

**c.** Hội chứng viêm cấp đường tiêu hóa

**d.** Hội chứng mất nước điện giải

**17.Cấp cứu ban đầu ngộ độc thức ăn không dùng biện pháp xử trí nào?**

**a.** Dùng thuốc chống nôn, chống tiêu chảy

**b.** Cho uống nhiều nước để chống mất nước

**c.** Cho uống kháng sinh để chống nhiễm khuẩn

**d.** Dùng thuốc trợ tim, trợ sức

**18.Ngộ độc sắn nên cho bệnh nhân uống loại nước nào là tốt nhất?**

**a.** Nước đường, sữa, nước mía, mật ong

**b.** Nước gạo rang với vài lát gừng

**c.** Nước đường có thêm một chút muối

**d.** Nước đun sôi để nguội, nước lọc

**19.Ngộ độc nấm nên cho bệnh nhân uống loại nước nào là tốt nhất?**

**a.** Nước đường có thêm một chút muối

**b.** Nước gạo rang với vài lát gừng

**c.** Nước đường, sữa, nước mía, mật ong

**d.** Nước đun sôi để nguội, nước lọc

**20.Trường hợp ngộ độc thức ăn, sau đó nên ăn uống như thế nào?**

**a.** Nhịn ăn hoặc ăn lỏng 1 - 2 bữa/ngày

**b.** Nhịn ăn, uống hoàn toàn trong 2 ngày

**c.** Ăn uống bình thường

**d.** Ăn uống nhiều hơn bình thường

**21.Người không biết bơi khi ngã xuống nước, bị nước nhấn chìm sẽ ngạt thở**

**sau bao nhiêu phút?**

**a.** 2 - 3 phút

**b.** 1 - 2 phút

**c.** 4 - 5 phút

**d.** 5 - 10 phút

**22.Nếu cấp cứu tốt, hầu như cứu sống được các nạn nhân bị ngạt nước trong tình trạng nào?**

**a.** Giãy giụa; sặc, trào nước; tim còn đập

**b.** Mê man, tím tái, gọi hỏi không biết

**c.** Da đã trắng bệch hoặc tái xanh

**d.** Đồng tử đã giãn

**23.Cấp cứu ban đầu nạn nhân bị ngạt nước, động tác nào không nên làm?**

**a.** Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn, không để đầu nạn nhân nghiêng về một bên

**b.** Nhanh chóng dốc nước ra khỏi dạ dày bắng các biện pháp

**c.** Móc đất, bùn, đờm rãi lấy răng giả (nếu có) ra khỏi miệng

**d.** Hô hấp nhân tạo (nếu nạn nhân đã ngừng thở, tim ngừng đập)

**24.Trường hợp say nóng, say nắng triệu chứng nào xảy ra sớm nhất?**

**a.** Chuột rút, trước hết ở tay, chân

**b.** Nhức đầu, chóng mặt

**c.** Mệt mỏi, chân tay rã rời, khó thở

**d.** Sốt cao 40 - 420c, mạch nhanh

**25.Nội dung nào sau đây không là triệu chứng điển hình của say nóng, say nắng?**

**a.** Ho sặc sụa, nôn nhiều lần

**b.** Sốt cao, mạch nhanh

**c.** Thở nhanh nông trên 30 lần/phút

**d.** Chóng váng, bồn nôn, sợ ánh sáng

**26.Cấp cứu ban đầu say nóng, say nắng, động tác xử trí nào không nên làm?**

**a.** Không cần cấp cứu tại chỗ mà nhanh chóng chuyển nạn nhân tới bệnh viện

**b.** Đưa nạn nhân vào nơi thoáng mái, cởi bỏ quần áo

**c.** Quạt mát, chờm lạnh bằng khăn ướt hoặc xoa cồn 450

**d.** Cho uống nước đường và muối, hoặc nước orezol

**27.Khi bị ngộ độc Lân hữu cơ cấp tính điển hình, đồng tử của nạn nhân ra**

**sao?**

**a.** Co hẹp

**b.** Bình thường

**c.** Giãn rộng

**d.** Giãn rất rộng

**28.Mục đích của băng vết thương không gồm nội dung nào?**

**a.** Làm liền vết thương

**b.** Bảo vệ cho vết thương khỏi bị ô nhiễm

**c.** Cầm máu tại vết thương

**d.** Giảm đau đớn cho nạn nhân

**29.Nội dung nào sau đây không đúng với nguyên tắc của băng vết thương?**

**a.** Băng bằng băng thun

**b.** Băng kín, băng hết các vết thương

**c.** Băng đủ độ chặt

**d.** Băng sớm, băng nhanh

**30.Thường dùng kiểu băng vòng xoắn khi băng vết thương ở các vị trí nào?**

**a.** Các đoạn chi hình trụ, có các vòng tương đối đều nhau

**b.** Các đoạn chi hình trụ, có các vòng không đều nhau

**c.** Băng đầu, băng mắt

**d.** Các vị trí có nếp gấp

**31.Trong tất cả các kiểu băng, vòng băng sau đè lên vòng băng trước như thế**

**nào?**

**a.** 2/3 vòng băng trước **b.** 3/4 vòng băng trước

**c.** 1/2 vòng băng trước **d.** 1/3 vòng băng trước

**32.Băng cuộn thường có kích thước bao nhiêu?**

**a.** Rộng 6 - 8 cm, dài 4 - 5 m

**b.** Rộng 3 - 4 cm, dài 3 - 4 m

**c.** Rộng 5 - 6 cm, dài 4 - 6 m

**d.** Rộng 8 - 10 cm, dài 4 - 10 m

**33.Thường dùng kiểu băng số 8 khi băng vết thương ở các vị trí nào?**

**a.** Các vị trí có nếp gấp

**b.** Các đoạn chi hình trụ, có các vòng tương đối đều nhau

**c.** Băng bụng, băng ngực

**d.** Băng đầu, băng trán

**34.Khi băng vết thương ở bàn tay, bàn chân thường dùng kiểu băng nào?**

**a.** Băng số 8

**b.** Băng vòng xoắn **c.** Băng chữ nhân

**d.** Băng vành khăn

**35.Khi băng vết thương ở đầu, thường dùng kiểu băng nào?**

**a.** Băng kiểu quai mũ

**b.** Băng vòng xoắn

**c.** Băng số 8

**d.** Băng chữ nhân

**BÀI 7: MA TÚY TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH TRONG**

**PHÒNG CHỐNG MA TÚY**

*A. LÝ THUYẾ T*

**I. Hiểu biết cơ bản về ma túy**

**1. Khái niệm chất ma túy**

Ma túy là tên gọi chung cho tất cả các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, đờ đẫnm dùng quen thành nghiện

**2. Phân loại chất ma túy**

- Phân loại dựa theo nguồn gốc sản xuất ra chất ma túy

- Phân loại chất ma túy dựa vào đặc điểm cấu trúc hóa học.

- Phân loại chất ma túy dựa vào mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng.

- Phân loại chất ma túy dựa vào tác dụng của nó đối với tâm lý người sử dụng.

**3. Các chất ma túy thường gặp**

- Nhóm chất ma túy an thần (Thuốc phiện, Morphine , Heroine)

- Nhóm chất ma túy gây kích thích (Cocaine, Amphetamine)

- Nhóm chất ma túy gây ảo giác (Cần sa, Lysergide)

**II. Tác hại của tệ nạn ma túy**

**1. Tác hại của ma túy đối với bản thân người sử dụng**

- Gây tổn hại về sức khỏe: Hệ tiêu hóa, Hệ hô hấp, Hệ tuần hoàn, Các bệnh về

da, Làm suy giảm chức năng thải độc, Đối với hệ thần kinh… …..

- Gây tổn hại về tinh thần.

- Gây tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình.

**2. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với nền kinh tế**

- Làm suy giảm nguồn dự trữ quốc gia, ngân sách nhà nước.

- Làm suy giảm lực lượng lao động gia đình và xã hội.

- Ảnh hưởng đến tâm lý các nhà đầu tư nước ngoài, và du lịch...

**3. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với trật tự, an toàn, xã hội**

- Hủy hoại sức khỏe con người, làm khánh kiệt nền kinh tế.

- Kéo theo những tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật gây mất ổn định trật tự an ninh - xã hội.

**III. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy và dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy**

**1. Qúa trình và nguyên nhân nghiện ma túy**

*a. Quá trình nghiện ma túy.*

- Sử dụng do phụ thuộc.

- Sử dụng lần đầu tiên

- Thỉnh thoảng sử dụng

- Sử dụng thường xuyên

*b. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy.*

- Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường.

- Sự tác động của lối sống thực dụng, văn hoá phẩm độc hại.

- Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trưường, xã hội chưa hiệu quả.

- Công tác quản lý địa bàn dân cư ở một số địa phương chưa tốt.

- Do một bộ phận các bậc cha mẹ thiếu quan tâm đến con.

- Do thiếu hiểu biết về tác hại của ma tuý.

- Do muốn thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ.

**2. Dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy**

- Trong cặp sách hoặc túi quần áo thường có bật lửa, kẹo cao su, giấy bạc.

- Thường xuyên xin ra ngoài đi vệ sinh trong thời gian học tập.

- Thường tụ tập ở nơi hẻo lánh.

- Thường xuyên xin tiền bố, mẹ.

- Lực học giảm sút.

- Hay bị toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gật…

**IV. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy**

- Học tập, nghiên cứu nắm vững những quy định của pháp luật phòng, chống ma tuý.

- Không sử dụng ma tuý dưới bất kỳ hình thức nào.

- Không tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma tuý.

- Khuyên nhủ bạn học, người thân của mình không sử dụng ma tuý.

- Khi phát hiện những học sinh có biểu hiện sử dụng ma tuý hoặc nghi vấn buôn bán ma tuý phải báo cho thầy, cô giáo.

- Nâng cao cảnh giác tránh bị rủ rê, lôi kéo.

- Tích cực tham gia phong trào phòng, chống ma tuý do nhà trường, Đoàn thanh

niên, Hội phụ nữ phát động.

- Hưởng ứng và tham gia phòng, chống ma tuý tại nơi cư trú.

- Ký cam kết không vi phạm tệ nạn ma tuý.

*B. CỦ NG CỐ THEO SGK:*

**Câu 1: Trang 101 sgk GDQP-AN lớp 10: Nêu nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy?**

**Trả l ời :**

**Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy là:**

- Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường.

- Sự tác động của lối sống thực dụng, văn hoá phẩm độc hại.

- Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trưường, xã hội chưa hiệu quả.

- Công tác quản lý địa bàn dân cư ở một số địa phương chưa tốt.

- Do một bộ phận các bậc cha mẹ thiếu quan tâm đến con.

- Do thiếu hiểu biết về tác hại của ma tuý.

- Do muốn thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ.

**Câu 2: Trang 101 sgk GDQP-AN lớp 10: Những dấu hiệu nào nhận biết học sinh nghiện ma túy?**

**Trả lời:**

**Dấu hiệu nhận biết học sinh nghiện ma túy**

- Trong cặp sách hoặc túi quần áo thường có bật lửa, kẹo cao su, giấy bạc.

- Thường xuyên xin ra ngoài đi vệ sinh trong thời gian học tập.

- Thường tụ tập ở nơi hẻo lánh.

- Thường xuyên xin tiền bố, mẹ.

- Lực học giảm sút.

- Hay bị toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gật…

**Câu 3: Trang 101 sgk GDQP-AN lớp 10: Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy?**

**Trả lời:**

**Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy:**

- Học tập, nghiên cứu nắm vững những quy định của pháp luật phòng, chống

ma tuý.

- Không sử dụng ma tuý dưới bất kỳ hình thức nào.

- Không tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma tuý.

- Khuyên nhủ bạn học, người thân của mình không sử dụng ma tuý.

- Khi phát hiện những học sinh có biểu hiện sử dụng ma tuý hoặc nghi vấn buôn bán ma tuý phải báo cho thầy, cô giáo.

- Nâng cao cảnh giác tránh bị rủ rê, lôi kéo.

- Tích cực tham gia phong trào phòng, chống ma tuý do nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ phát động.

- Hưởng ứng và tham gia phòng, chống ma tuý tại nơi cư trú.

- Ký cam kết không vi phạm tệ nạn ma tuý.

*C. CÂU HỎ I TRẮ C NGHIỆ M*

**1. Từ điển tiếng Việt thì chất ma túy là tên gọi chung cho tất cả các chất nào?**

**a.** Các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, đờ đẫn, dùng quen thành nghiện

**b.** Các chất có tác dụng an thần, dùng quen thành nghiện

**c.** Tất cả các chất có tác dụng kích thích thần kinh, dùng nhiều thành nghiện

**d.** Các chất có tác dụng giảm đau, hạ sốt khi dùng sẽ nghiện

**2. Từ quan điểm của tổ chức Y tế thế giới (WHO) khi đưa vào cơ thể con người ma túy có tác dụng gì?**

**a.** Làm thay đổi một số chức năng của cơ thể

**b.** Làm thay đổi toàn bộ chức năng của cơ thể

**c.** Làm thay đổi chức năng thần kinh của cơ thể

**d.** Làm thay đổi chức năng phản xạ của cơ thể

**3. Theo quan điểm của Liên Hợp Quốc thì ma túy có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp khi xâm nhập vào cơ thể có tác dụng ra sao?**

**a.** Làm thay đổi ý thức và trí tuệ, làm cho con người lệ thuộc vào nó

**b.** Có tác dụng giảm đau, chống béo phì

**c.** Có tác dụng giảm béo, ổn định cơ thể

**d.** Làm ổn định tinh thần, tư tưởng, chống nghiện

**4. Chất nào sau đây được gọi là chất ma túy?**

**a.** Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa

**b.** Nhựa cây Morphine, nhựa cây thuốc lá

**c.** Chất nicotin của thuốc lá, thuốc lào

**d.** Các loại thuốc giảm đau, hạ nhiệt

**5. Chất nào sau đây được gọi là chất ma túy?**

**a.** Cao côca, lá, hoa, quả cây cần sa, côca

**b.** Cao lá, hoa, quả cây thuốc lá, côca

**c.** Bột lấy từ quả, lá cây Morphine

**d.** Bột lấy từ rễ, hoa cây Morphine

**6. Loại hoa quả nào sau đây được gọi là chất ma túy?**

**a.** Quả thuốc phiện tươi hoặc khô

**b.** Quả Morphine tươi hoặc sấy khô

**c.** Lá cây thuốc lá tươi hoặc khô

**d.** Lá cây Morphine tươi hoặc sấy khô

**7. Chất nào sau đây được gọi là chất ma túy?**

**a.** Heroine, côcaine

**b.** Chất làm hạ nhiệt cơ thể

**c.** Chất làm giảm đau đầu

**d.** Chất kích thích thần kinh

**8. Khái niệm về chất ma túy trong Luật phòng chống ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành là chất gì?**

**a.** Là chất gây nghiện, chất hướng thần

**b.** Chất kích thích, khi dùng nhiều thần kinh sẽ bị tê liệt

**c.** Tất cả các chất nào mà khi dùng sẽ bị say như say rượu

**d.** Chất gây tâm lí hoang mang, ảo tưởng, khi dùng sẽ nghiện

**9. Khái niệm về chất ma túy trong Luật phòng chống ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành là chất gì?**

**a.** Là chất kích thích, ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện

**b.** Là chất hóa học là tê liệt thần kinh, dễ gây tình trạng ngất

**c.** Là chất giảm đau cơ thể, dễ gây nghiện và say thuốc

**d.** Là chất giảm phản xạ thần kinh, gây tình trạng nghiện

**10.Khái niệm về chất ma túy trong Luật phòng chống ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành là chất gì?**

**a.** Là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện

**b.** Là chất kích thích, sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện

**c.** Là chất gây bệnh tâm thần, nếu sử dụng một lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện

**d.** Là chất gây bệnh tâm thần, nếu sử dụng một vài lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện hoặc bệnh tâm thần

**11.Chất hướng thần khác chất gây nghiện về khả năng gây nghiện như thế**

**nào?**

**a.** Nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện

**b.** Sử dụng một lần sẽ dẫn tới tình trạng nghiện

**c.** Sử dụng nhiều lần vẫn có thể không nghiện

**d.** Nếu sử dụng nhiều lần sẽ dẫn tới chết

**12.Chất gây nghiện khác chất hướng thần về khả năng gây nghiện như thế**

**nào?**

**a.** Dễ gây tình trạng nghiện

**b.** Dễ gây nên bệnh thần kinh

**c.** Không gây tình trạng nghiện

**d.** Dùng một lần là nghiện

**13.Phân loại chất ma túy gồm có những loại nào?**

**a.** Có nguồn gốc tự nhiên; bán tổng hợp; tổng hợp

**b.** Có nguồn gốc thiên nhiên; bán tổng hợp; bán tự nhiên

**c.** Có nguồn gốc tâm lí; bán tổng hợp; sinh học

**d.** Có nguồn gốc sinh học; bán tổng hợp; tự nhiên

**14.Chất Ancoloit từ cây thuốc phiện, côca và cần sa là:**

**a.** Chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên

**b.** Chất ma túy có nguồn gốc thiên nhiên

**c.** Chất ma túy có nguồn gốc sinh học

**d.** Chất ma túy có nguồn gốc thực vật

**15.Heroin là chất ma túy được điều chế như thế nào?**

**a.** Cho Morphine tác dụng với anhydric axêtic

**b.** Cho Morphine tác dụng với nước sôi để nguội

**c.** Cho Morphine tác dụng với phèn chua

**d.** Cho Morphine tác dụng với axít béo

**16.Các chất ma túy Amphetaminne, Metamphetamine là:.**

**a.** Chất ma túy tổng hợp

**b.** Chất ma túy bán tổng hợp

**c.** Chất ma túy tự nhiên

**d.** Chất ma túy bán tự nhiên

**17.Phân loại chất ma túy dựa vào tác dụng của nó đối với tâm sinh lí người sử dụng thì có các nhóm nào?**

**a.** An thần; gây kích thích; gây ảo giác

**b.** Thần kinh; gây kích thích; gây cảm giác

**c.** Tâm thần; gây hoang tưởng; gây ảo tưởng

**d.** Tê liệt thần kinh; gây cảm giác; gây ảo giác

**18.Morphine, Heroine là chất ma túy loại nào?**

**a.** Loại an thần

**b.** Loại bán tổng hợp

**c.** Loại tổng hợp

**d.** Loại gây kích thích

**19.Cocaine, amphetamine là chất ma túy loại nào?**

**a.** Loại gây kích thích

**b.** Loại gây ảo giác

**c.** Loại tổng hợp

**d.** Loại an thần

**20.Cần sa, lysergide là chất ma túy loại nào?**

**a.** Loại gây ảo giác

**b.** Loại gây kích thích **c.** Loại bán tổng hợp

**d.** Loại tổng hợp

**21.Thuốc phiện sống (tươi) là nhựa thuốc phiện, nó có tính chất gì?**

**a.** Đông đặc, màu đen sẫm, không tan trong nước

**b.** Lỏng, màu nâu sẫm, tan trong nước

**c.** Dạng bột, màu trắng đục, không tan trong nước

**d.** Đông đặc, màu đen, tan trong nước

**22.Điều chế Morphine và Heroine từ chất nào?**

**a.** Thuốc phiện khô **b.** Thuốc phiện tươi **c.** Lá cây cần sa

**d.** Quả côca

**23.Nội dung nào sau đây không phải là hậu quả của nghiện thuốc phiện?**

**a.** Béo phì, vận động khó khăn

**b.** Suy sụp về sức khỏe, da xám

**c.** Ăn không ngon, tiêu hóa kém, thân hình tiều tụy

**d.** Có thể chết do suy tim mạch và kiệt sức

**24.Một trong những biểu hiện về hậu quả của nghiện thuốc phiện là gì?**

**a.** Người gầy yếu, tiều tụy, sợ nước, sợ rượu, đi đứng không vững.

**b.** Người gầy, nhưng đi đứng bình thường.

**c.** Người béo phì, sợ nước, làm việc và vận động bình thường.

**d.** Người phát triển bình thường, nhưng đi lại khó khăn.

**25.Chất ma túy Morphine có thể nhận biết được như thế nào?**

**a.** Kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng, không mùi, vị đắng

**b.** Kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng, mùi hắc, vị chua

**c.** Kết tinh dạng tinh thể màu trắng, không mùi, vị ngọt

**d.** Thể lỏng, màu trắng đục, không mùi vị

**26.Chất ma túy Heroine tồn tại ở dạng tinh thể không lẫn tạp chất, có màu, mùi, vị như thế nào?**

**a.** Màu trắng, không mùi, vị đắng

**b.** Dạng tinh thể không màu

**c.** Màu trắng, mùi hắc, vị ngọt

**d.** Màu trắng, mùi hắc, vị chua

**27.Heroine là chất ma túy:**

**a.** Nguy hiểm và phổ biến nhất hiện nay

**b.** Cực độc, nguy hiểm trực tiếp tới tính mạng con người

**c.** Cực độc, khi tiếp xúc con người có thể chết ngay

**d.** Rất độc, trong chiến tranh kẻ địch dùng để đầu độc con người

**28.Estasy gây kích thích hệ thần kinh trung ương là chất ma túy:**

**a.** Thuộc chất độc bảng A, rất nguy hiểm và khả năng gây nghiện cao

**b.** Thuộc chất độc vô cùng nguy hiểm có khả năng gây chết người

**c.** Cực kì nguy hiểm và khả năng gây nghiện cao cho thanh niên

**d.** Thuộc chất độc bảng A, con người khi tiếp xúc sẽ bị nghiện

**29.Heroine là chất ma túy so với Morphine thì mức độ độc và nguy hiểm như thế nào?**

**a.** Độc hơn và nguy hiểm nhiều hơn

**b.** Tương đương nhau

**c.** Ít nguy hiểm và độc cũng thấp hơn

**d.** Ít nguy hiểm nhưng vô cùng độc

**30.Lysergide (LSD) là một chất ma túy:**

**a.** Bán tổng hợp, gây ảo giác rất mạnh và rất nguy hiểm

**b.** Tổng hợp, gây kích thích mạnh và nguy hiểm

**c.** Kích thích, gây ức chế hoạt động rất mạnh, tương đối nguy hiểm

**d.** Có gốc tự nhiên, gây cảm giác mạnh và rất nguy hiểm

**31.Một trong những tác hại của ma túy với người nghiện như thế nào?**

**a.** Gây hại nghiêm trọng, phát sinh nhiều loại bệnh tật, hủy hoại sức khỏe

**b.** An thần, nhưng phát sinh nhiều bệnh tật, ảnh hưởng sức khỏe

**c.** Gây hại nghiêm trọng, phát sinh nhiều loại bệnh tật cho mọi người

**d.** Giảm đau, nhưng có hại cho sức khỏe con người

**32.Tình trạng nào sau đây không phải là tác hại của ma túy với người nghiện?**

**a.** Da đỏ tím, phát ban, ngứa ngáy khó chịu, rất muốn tắm

**b.** Nước da tái xám, dáng đi xiêu vẹo, cơ thể gầy đét

**c.** Rối loạn sinh học, thức đêm, ngủ ngày

**d.** Suy nhược toàn thân, người gầy gò, xanh xao, mắt trắng, môi thâm

**33.Nội dung nào sau đây không phải tổn hại về tinh thần do nghiện ma túy?**

**a.** Thích có nhiều bạn bè để vui chơi giải trí

**b.** Sa sút về tinh thần, xa lánh nếp sống, sinh hoạt lành mạnh

**c.** Trộm cắp, lừa đảo, cướp giật

**d.** Hành vi, lối sống sai chuẩn mực đạo đức, tha hóa về nhân cách

**34.Nội dung nào sau đây không phải tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình do nghiện ma túy?**

**a.** Buôn bán thua lỗ dẫn đến hay cáu gắt với mọi người

**b.** Tiêu tốn tài sản, thiệt hại về kinh tế

**c.** Xa lánh người thân, hay gây gổ, cáu gắt với mọi người

**d.** Hành hạ người thân, cha mẹ, vợ con, anh em

**35.Tác hại của ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội như thế nào?**

**a.** Là nguyên nhân xô đẩy người lương thiện vào con đường phạm tội

**b.** Là nguyên nhân chủ yếu làm mất an ninh trật tự

**c.** Là động cơ đẩy người lương thiện, thanh niên phạm tội

**d.** Là nguyên nhân chủ yếu làm cho thanh niên phạm tội

**36.Nội dung nào sau đây không phải là tác hại của ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội?**

**a.** Lôi kéo gây mất trật tự an ninh ở các khu vực đông người

**b.** Người nghiện có những hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật

**c.** Kéo theo tệ nạn xã hội, gây bất ổn về an ninh, trật tự trong địa bàn

**d.** Gây tâm lí hoang mang, lo sợ và bất bình trong nhân dân

**37.Tác hại của ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội như thế nào?**

**a.** Người nghiện tham gia buôn bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất

ma túy

**b.** Người nghiện tham gia việc tổ chức sản xuất trái phép chất ma túy

**c.** Người nghiện là đối tượng chủ yếu tàng trữ chất ma túy

**d.** Là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mất trật tự an ninh trên địa bàn

**38.Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân khách quan dẫn đến nghiện về ma túy?**

**a.** Do quá sức vì phải làm đêm, học đêm, học thêm quá nhiều

**b.** Lối sống thực dụng, buông thả, do không làm chủ được bản thân

**c.** Sự phối hợp quản lí học sinh của gia đình, nhà trường và xã hội chưa hiệu quả

**d.** Quản lý địa bàn dân cư của địa phương chưa tốt

**39.Nguyên nhân chủ quan dẫn đến nghiện về ma túy là gì?**

**a.** Thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy nên bị lôi kéo sử dụng

**b.** Hiểu biết về ma túy nhưng coi thường hậu quả của nó

**c.** Biết rõ về hậu quả, dùng quá nhiều

**d.** Biết rõ về hậu quả vẫn sử dụng

**40.Nội dung nào sau đây không phải là dấu hiệu để nhận biết học sinh nghiện**

**ma túy?**

**a.** Thích ăn mặc, trang điểm lòe loẹt khác người

**b.** Hay toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gật, lực học giảm sút

**c.** Thường xin ra ngoài đi vệ sinh trong khi học tập

**d.** Tính tình cáu gắt, da xanh tái, trầm cảm

**41.Nội dung nào sau đây không phải là trách nhiệm của học sinh trong phòng chống ma túy?**

**a.** Nói không với ma túy nên khi trong lớp có bạn nghiện ma túy, phải đưa bạn đến trại cai nghiện

**b.** Nắm vững và nghiêm chỉnh chấp hành những quy định của pháp luật đối với công tác phòng chống ma túy

**c.** Không tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc những việc liên quan đến ma

túy

**d.** Không sử dụng ma túy với bất kỳ hình thức nào

**42.Khi phát hiện bạn có biểu hiện sử dung ma túy, học sinh phải làm gì?**

**a.** Báo cáo kịp thời cho thầy cô giáo

**b.** Phải báo ngay cho bố mẹ mình

**c.** Phải báo ngay cho đội phòng chống ma túy

**d.** Phải kịp thời nhắc nhở và theo dõi bạn

**43.Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy cần lưu ý điều gì tuyệt đối không được làm?**

**a.** Khi trong lớp có bạn nghiện ma túy, phải xin phép nghỉ học

**b.** Nâng cao cảnh giác tránh bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo

**c.** Tích cực tham gia phong trào phòng chống ma túy do nhà trường phát động

**d.** Cam kết không vi phạm pháp luật, không tham gia vào các tệ nạn xã hội,

ma túy

**44.Tác hại của ma túy về hệ tiêu hóa với người nghiện như thế nào?**

**a.** Cảm giác no, không muốn ăn, tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm

**b.** Cảm giác muốn ăn, nhưng tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm

**c.** Ăn ít, uống nhiều, hoạt động của hệ tiêu hóa bình thường

**d.** Không ăn uống do tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm

**45.Tác hại của ma túy tới hệ tiêu hóa người nghiện như thế nào?**

**a.** Thường có cảm giác buồn nôn, đau bụng.

**b.** Hay nôn ọe, đau bụng dữ dội.

**c.** Đau bụng liên tục, có cảm giác buồn ngủ.

**d.** Thường có cảm giác đầy bụng, hay nôn, nhưc đầu.

**46.Tác hại của ma túy tới hệ hô hấp người nghiện hít như thế nào?**

**a.** Viêm mũi, viêm xoang, viêm đường hô hấp trên và dưới

**b.** Viêm phổi, hen phế quản, viêm đường hô hấp dưới

**c.** Viêm mũi, nhưng không ảnh hưởng tới đường hô hấp trên và dưới

**d.** Hen phế quản, viêm đường hô hấp trên

**47.Tác hại của ma túy tới hệ tuần hoàn người nghiện như thế nào?**

**a.** Tim loạn nhịp, huyết áp tăng, giảm đột ngột, mạch máu bị xơ cứng

**b.** Ổn định nhịp tim, huyết áp, mạch máu tạm ổn định

**c.** Huyết áp luôn tăng đột ngột, mạch máu bị tắc

**d.** Tim ổn định về nhịp, nhưng huyết áp tăng, mạch máu bình thường

**48.Tác hại của ma túy tới hệ thần kinh người nghiện như thế nào?**

**a.** Kích thích hoặc ức chế từng phần ở bán cầu đại não

**b.** Ức chế toàn phần ở bán cầu đại não

**c.** Kích thích toàn phần ở bán cầu đại não

**d.** Kích thích hoặc ức chế toàn bộ bán cầu đại não

**49.Tình trạng bệnh tật nào sau đây không phải là tác hại của ma túy với người nghiện?**

**a.** Sốt cao liên tục

**b.** Áp xe gan

**c.** Suy gan, suy thận

**d.** Viêm gan

**50.Tình trạng rối loạn cảm giác về da sau đây không phải là tác hại của ma túy của người nghiện?**

**a.** Viêm đầu dây thần kinh

**b.** Không cảm thấy bẩn, sợ nước, ngại tắm rửa

**c.** Viêm da thường xuyên

**d.** Ghẻ lở, hắc lào

**51.Nội dung nào sau đây không phải tổn hại về tinh thần do nghiện ma túy?**

**a.** Có ý thức về hành vi nhưng phản ứng rất chậm chạp

**b.** Hội chứng quên, ảo giác hoang tưởng, kích động

**c.** Rối loạn về nhận thức, cảm xúc, về tâm tính

**d.** Có thể có hành vi nguy hiểm cho bản thân và người xung quanh

**52.Phân loại chất ma túy dựa vào nội dung gì?**

**a.** Nguồn gốc sản xuất; đặc điểm cấu trúc hóa học; mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng; dựa vào tác dụng của nó đối với tâm sinh lí người sử dụng

**b.** Nguồn gốc tự nhiên; đặc điểm gây nghiện; mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng.

**c.** Nguồn gốc xuất xứ; thành phần hóa học; mức độ gây nghiện và khả năng tác dụng của nó với người sử dụng

**d.** Nguồn gốc hóa học; khả năng gây nghiện; tác dụng của nó đối với người sử dụng

**53.Một trong những hậu quả của nghiện thuốc phiện là gì?**

**a.** Người gầy yếu, tiều tụy, đi đứng không vững.

**b.** Người ốm yếu, nằm tại chỗ, phải cấp cứu liên tục

**c.** Người phát triển bình thường, nhưng không đi đứng được.

**d.** Người gầy nhưng đi đứng, ăn ngủ bình thường.

HẾT

----------------------